

# CỎ THƠM

## CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

## PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

## ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

PHẠM VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

## WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)

## TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

## TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

Email: [dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)

**THÁNG 3, NĂM 2011**

## BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.

HẢI BÀNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ HỐI. VŨ THÁI HÒA. VI KHUÊ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. HUY LÂM.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

CAO MỸ NHÂN. PHẠM THỊ NHUNG.

ĐẶNG NGUYỄN. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. ĐỖ PHÚ. DIỆU TẦN.

TIỂU THU. MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. NGUYỄN VĂN THÀNH.

HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG. KIM VŨ.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

## ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.

VŨ LANG: Anaheim, CA.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



# MỤC LỤC

VĂN	Trang
Nguyễn T.N. Dung: Lá Thư Mùa Anh Đào	5
Trần Bích San: Nguồn gốc Văn Học Việt Nam	1
Nguyễn Phú Long: Buổi Sinh Hoạt Chuyện Cổ Tích	15
Đỗ Bình: Hương Ngát Tình Thơ	21
Nguyễn Thuỳ: Đôi Mẩu Chuyện Về Bùi Giáng	27
Hồ Trường An: Phỏng Vấn Nhà Thơ Việt Bằng	32
Văn Ba: Mèo Hay Thỏ	43
Nguyễn Văn Nhiệm: Con Đường Văn Hoá VN	46
Cung Thị Lan: Mùi Cơm Sỏi Cạn Nước	54
Lê Văn Khoa: Có Những Màu Đỏ	61
Song Nhị: Làm Thơ Trong Tủ	69
Nguyễn Ngọc Bích:	73
Đọc “Nửa Thế Kỷ Việt Nam” của Song Nhị.	
Tôn Nữ Mặc Giao: Sáu Bà “Giặc Cái”	78
Trần Hoài Thư: Những Bài Thơ Một Thời Của Phạm Cao Hoàng.	94
Phạm Văn Tuấn: Pearl S. Buck	98
Nguyễn Quý Đại: Mùa Xuân Nói Chuyện Trà	104
Đình Cường: Mèo Trong Tranh Foujita	114
Thanh Trang: Đôi Giọng về bài “Khúc Hát Ly Hương”	122
Phan Anh Dũng: Phạm Dương Hiến và Buổi Hoà Nhạc Thánh Phòng...	124
Phạm Thị Nhung: Rong Chơi Trên Núi Tuyết	128
Trương Anh Thụy: Cộng Đồng VN ở Mỹ Trước 75	136
Nguyễn Lân: Tạp Truyện	145
Minh Châu: Một Ngày Phép	152
Nguyễn Mây Thu: Tiếng Gọi	157
Phong Thu: Ai Về Quê Cũ Cho Tôi Nhấn	163
Tiểu Thu: Cổ Nhân	168
Võ Thị Trúc Giang: Không Có Thì Giờ ...	176
Phạm Thảo Nguyên: Đọc Thơ Nguyễn Trãi	179
Đỗ Phú: Lời Cuối Gửi Gió Mây	181
Phạm Trọng Lệ: Vì Em sống Mãi ...	186

Mỹ Phước Nguyễn Thanh: Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc	190
Trần Văn Lượng: Đọc Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt	196
<b>THƠ</b>	
Xuân Bích: Xuân Về	26
Tâm Minh Ngô Tăng Giao: Xuân Tha Hương	26
Nguyễn Thị Ngọc Dung: Xuân Xa Đời	26
Đoàn Đình Nam: Chiều Xuân	42
Hồ Công Tâm: Tháng Tư Đen	42
Vương Hồng Ngọc: Xuân Cõi Lặng	42
Đoàn Ngọc Kiều Nga: Một Góc Xuân	42
Phượng Du Nguyễn Bá Hậu: Gửi Bạn Cao Niên	45
Vũ Lang: Vô Thường	53
Cao Nguyên: Khi Nhà Thơ Cầm Buá	63
Đào Đức Chương: Trang Sử Giữ Nước...	64
Lam Điền Nguyễn Thử: Trái Xuân	84
Thiên Đức: Tình Và Thơ	84
Bạch Cúc NTN & Hải Bằng HDB: Lá Thăm Đề Thơ Bưu Trạm Ngày Xưa	85
Việt Bằng: Đêm Xuân Trần Thế	123
Uyên Phương Minh Nguyệt: Nếu Em Là	131
Bùi Thanh Tiên: Dòng Sông Định Mệnh	144
Đăng Nguyên: Xuân Này Xuân Nữa	147
Hoàng Dung: Madelein	156
Hồng Thủ: Hoa Vàng Năm Ấy	156
Thanh-Thanh: Lệ Châu	162
Vũ Đức Nghiêm: 51 Tự Trào	167
Lê Mai Linh: Bài Thơ Thứ Mười	189
Hoàng Song Liêm: Nhớ Bắc	195
<b>GIAO ĐIỂM</b>	
Kim Vũ: Hơi Rượu Mùa Xuân A Taste of Martell in Spring	68
Dư Thị Diễm Buồn: Tôi Đã Khóc	77
Thanh thanh: I Have Cried	
Đỗ Phú: Xuân Dạ Hỉ Vũ	97
Tâm Minh Ngô Tăng Giao: Đêm Xuân Mừng Mưa	97
Jacques Prévert: Ce N'est Pas Moi qui Chante	112

Tâm Minh Ngô Tằng Giao:: Không Phải Anh Hát 112

## NHẠC

Thanh Trang: Rừng Thu Thay Lá 93  
Phan Khâm & Vĩnh Điện: Hoa Và Xuân 113  
Thanh Trang: Khúc Hạ Ly Hương 120  
Huy Lâm: Cùng Em 150

## NHIẾP ẢNH

Sonny Senser: Mùa Xuân Hoa Đô Bìa trước  
Nguyễn Sơn: Hoa Xuân Bên Thềm Cũ Bìa sau  
Phan Anh Dũng: Đạo Chơi Mùa Xuân “  
Minh Châu: Nắng xuân “  
Song Hà: Hoa Đào Năm Ngoái “

## HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Hình ảnh trong buổi ra mắt sách Nửa Thế Kỷ 76  
Việt Nam của Nhà văn Song Nhị.  
Hình Ảnh Buổi Hoà Nhạc Thính Phòng 125  
Thanksgiving

Bán Sách Chợ Tết Tân Mão 202  
Phan Anh Dũng thăm viếng San Jose 203

## GIỚI THIỆU

Hà Nguyễn & Associates 02  
CD Như Là Kỷ Niệm: Nguyễn Phú Long 17  
Hoàng Song Liêm: CD Bông Hoa Vườn Dị Thảo 17  
Sovereign Realty, Inc. 33  
Phòng Mạch Bác sĩ Nguyễn Quốc Quân 60  
Đặc San Á Hữu Ngoại Giao 92  
Duyên Thơ Xương Hoa: Hồ Công Tâm 96  
Việt Sử Đại Cương: Tô Vũ Phạm Ngọc Huyền 103  
Tạp Chí Nguồn 123  
Phòng Mạch Bác Sĩ võ Đạm: 155  
Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung 184  
Nhà Hàng Harvest Moon 204  
Danh Sách Mạnh Thường Quân 205  
Phiếu Mua Báo 206  
Văn Phòng Luật Sư Ivan M. Waldman 207

# LÁ THƯ MÙA ANH ĐÀO

**T**hưa quý vị,

Vừa thoát nhìn bìa báo Cỏ Thơm số 54 này, quý vị sẽ biết ngay đây là số báo mùa Xuân Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Người chụp bức ảnh này không ai xa lạ hơn là Sonny Senser, thứ nam của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Thế theo lời yêu cầu của bà mẹ, một sáng mùa Xuân năm ngoái, Sonny đã dậy từ 5 giờ sáng để lái xe đến bên bờ Sông Potomac và thâu được một cảnh vừa có Washington Monument vừa có Thomas Jefferson Memorial xuyên qua những vòm hoa anh đào hồng tươi rực rỡ khi bình minh vừa ló dạng. Những nhiếp ảnh gia muốn chụp được những tấm ảnh nghệ thuật ứng ý đều phải vất vả đón bắt thiên thời địa lợi như vậy.

Tạp Chí Cỏ Thơm, ngoài những cây bút văn, thơ, họa, nhạc, còn có những tay chụp ảnh nghề nghiệp hay tài tử như Nguyễn Sơn, Phan Anh Dũng, Minh Châu và Song Hà với những bức ảnh không kém phần nghệ thuật trên bìa sau. Mấy năm gần đây nhờ sự ủng hộ của các vị mạnh thường quân, Cỏ Thơm có đủ tài chánh in bìa sau bốn màu mà không lấy quảng cáo.

Số Mùa Xuân Cỏ Thơm bắt đầu từ mùa hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn 22 tháng 3 đến 21 tháng 6, qua một tháng tư đen nên quý vị lại tìm thấy những nỗi đau của người Việt lưu vong tị nạn Cộng Sản trong các vần thơ chưa quên niềm uất hận. Quý vị cũng tìm thấy những câu văn đầy tình người, xoa dịu những vết thương lòng ấy, những bài biên khảo giá trị thoả mãn sự tìm hiểu của quý vị. Xin cảm ơn quý tác giả đã đóng góp những áng văn thơ giá trị vinh thăng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Như thường lệ, Cỏ Thơm được gửi gắm rất nhiều bài vở, nhưng trang báo có hạn, chúng tôi không thể đăng hết, phải để lại cho số báo sau. Thành thật xin lỗi quý tác giả. Chúng tôi cũng rất tiếc đã không đăng được những bài viết không hợp với chủ trương của Cỏ Thơm hay những bài viết đã gửi đăng trên các báo khác trong vùng. Mong quý tác giả thông cảm cho.

Số báo Cỏ Thơm 54 sẽ phát hành vào thời điểm chúng tôi tổ chức **Sweet Sixteen Birthday** cho Cỏ Thơm vào ngày 27 tháng 3. Nhân dịp này, Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt sẽ từ Texas cùng phu quân Minh Khoa lên tham dự và trình làng tập thơ *Xin Giữ Giùm Anh*. Xin quý vị đọc bài giới thiệu của Giáo sư Trần Văn Lương ở trang 194. Đồng Chủ bút, Biên Khảo Gia Trần Bích San cũng sẽ về chung vui và là diễn giả chính trong buổi **Sinh Nhật Thứ 16 Của Cỏ Thơm**.

Chúng tôi sẽ có một chương trình văn nghệ hào hứng giới thiệu một các sáng tác thơ, nhạc của người Cỏ Thơm. Cặp nghệ sĩ Uyên Phương Minh Nguyệt và Minh Khoa sẽ trình diễn một màn hoạt cảnh thi nhạc giao duyên ngoạn mục.

Chỉ một tuần sau đó bên Kinh Đô Ánh Sáng, Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris sẽ tổ chức một **Chiều Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật vào Ngày Chủ Nhật 3 tháng 4 năm 2011**, từ 14h30 đến 18h00 30 tại Ave de la République 92120 Montrouge. Chủ đề: **HẠNH PHÚC & ĐAU KHỔ trong Âm Nhạc và Văn Chương VN** và giới thiệu **CD nhạc Tình Khúc Tha Hương** của các tác giả: Lê Mộng Nguyên, Phạm Đình Liên, Đỗ Bình. Xin hoan nghênh việc làm văn học của Câu Lạc Bộ Văn Hoá Paris và chúc văn thi nhạc sĩ thân hữu thành công mỹ mãn.

Chúng tôi cũng xin dùng lá thư này để cảm ơn Nhà văn Song Nhị (San Jose) Ông Bà Trương Hữu Lương (Paris), Nhà thơ Nguyễn Phú Long (Virginia), Biên Khảo Gia Tô Vũ Phạm Ngọc Huyền, Nhạc Sĩ Từ Công Phụng, Nhà thơ Hoàng Song Liêm, đã gửi tặng tập báo Nguồn Xuân Tân Mão, Đặc San Ái Hữu Ngoại Giao, CD Như Là Kỷ Niệm, CD Tuổi Xa Người, CD Trên Tháng Ngày Đã Qua, CD Bông Hoa Vườn Dị Thảo... Chúc Nhạc sĩ Từ Công Phụng chóng phục hồi sức khỏe và mong anh chị sẽ trở lại thăm Hoa Thịnh Đốn. Chúng tôi cũng rất mừng được tin sức khỏe của Nhà thơ Ánh Bích đã khả quan hơn. Nhà thơ “Bà Già Trầu” Hồ Trường An cũng thường xuyên điện thoại tâm tình với chúng tôi.

Để kết thúc lá thư mùa Hoa Anh Đào, xin chúc quý vị một mùa Xuân tươi đẹp, hạnh phúc. Cầu mong thế giới sớm hết nạn Cộng Sản, Việt Nam theo gót dân chúng Egypt, Tunisia, Libya vùng lên đòi lại tự do, dân chủ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

# NGUỒN GỐC VĂN HỌC VIỆT NAM

## Trần Bích San

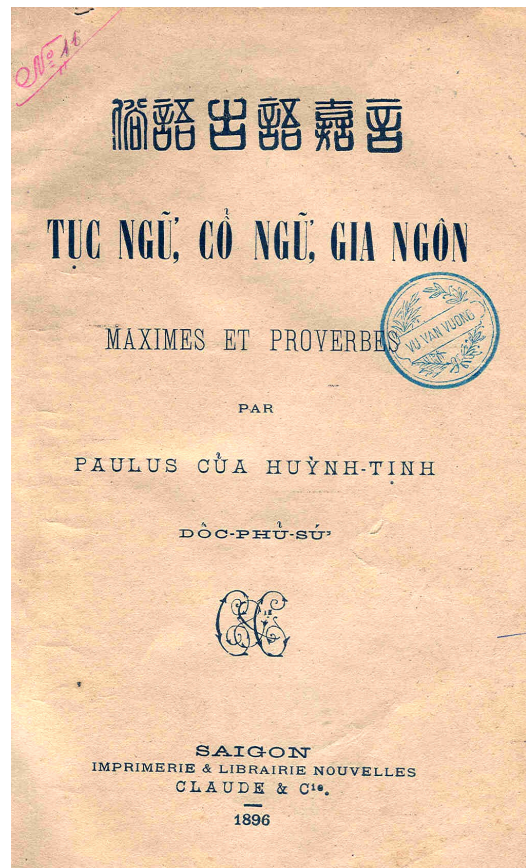
Việt Nam có hơn 4000 năm văn hiến (01), nền văn học của chúng ta cũng có chiều dài tương xứng. Trước khi có dòng văn học chữ viết, người bình dân ta đã biết diễn tả tình cảm và tư tưởng dưới dạng truyền khẩu. Văn chương bình dân tuy không có qui luật, phép tắc nhất định, nhưng rất hay và phong phú, biểu lộ tính tình, phong tục của ta một cách phóng khoáng, chất phác và chân thực. Văn chương chữ viết chỉ là một phần của văn học Việt Nam, văn chương truyền khẩu gồm tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích mới chính là nguồn gốc của nền văn học nước ta.

Di sản văn hóa đẹp thì nhìn dưới nhãn quan nào cũng đẹp, đó là những vẻ đẹp khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu và tìm hiểu nền văn học Việt mà thiếu cái nhìn nhất quán về nguồn gốc của nó thì sẽ dễ làm lẫn giữa phương tiện và cứu cánh, đưa đến hậu quả tai hại là chỉ nhìn từng mảng, từng phần mà không thấy được bức tranh tổng thể tinh thần của nền văn học Việt Nam.

## TỤC NGỮ

**Tục ngữ** (tục: thông thường, thói quen lâu đời, ngữ: lời nói) là những câu nói ngắn, gọn, có nghĩa lý và được dân gian sử dụng từ lâu đời (02). Những câu ngắn này thường đưa ra nhận xét xác đáng hoặc lời khuyên răn chí lý, nhiều người nghe thấy hay và đúng nên ghi nhớ rồi truyền khẩu, lâu dần trở thành phổ cập, thông tục. Thí dụ:

Ác giả, ác báo  
Công rắn cắn gà nhà  
*Ở trong chẵn mới biết chẵn có rận*  
*Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may*



Tục ngữ còn được gọi là ngôn ngữ hay phương ngôn. **Ngạn ngữ** (ngạn: lời) là lời nói

của người xưa truyền lại. **Phương ngôn** (phương: địa phương) là những câu tục ngữ chỉ quen dùng ở một vùng nào đó mà thôi. Những câu tục ngữ mang ý nghĩa về luân lý được gọi là châm ngôn hay cách ngôn. **Cách ngôn** (cách: phương thức) là câu nói đưa ra một phép tắc cho người đời noi theo. Thí dụ:  
*Đường đi ở miệng  
Trăm hay không bằng tay quen*

**Châm ngôn** (châm: răn bảo) là lời khuyên bảo hay ngăn ngừa. Thí dụ:  
*Kính lão đắc thọ  
Anh em như thể tay chân  
Cái nết đánh chết cái đẹp  
Biết thì thua thốt, không biết dựa cột mà nghe*

Đa số các câu tục ngữ là do người nào đó nghĩ ra rồi người khác nghe thấy hay và xác đáng nên được nhắc đi nhắc lại mà truyền khẩu tới ngày nay. Tuy nhiên cũng có một số câu lấy ra từ bài thơ, bài hát, hoặc trong truyện thơ mà người ta thấy lời hay, ý đúng nên truyền tụng, lâu dần thành tục ngữ, chẳng hạn như câu “*Thương người như thể thương thân*” (03), hay câu “*Có trời mà cũng có ta*” (04). Ngoài ra còn có những câu lấy từ cách ngôn, ngôn ngữ của Tàu như “*Múa rìu qua mắt thợ*” (05), “*Ở hiền gặp lành*” (06), “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*” (07).

Tục ngữ gồm những câu có vần và không vần. Các câu không vần thường là hai vế đối nhau, thí dụ như:  
*Đục nước, béo cò  
Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng  
Miệng khôn, tròn đại  
Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau*

Không vần nhưng có hai vế cân bằng, cân xứng:  
*Nồi nát chẳng khỏi tay thợ hàn*

*Mười voi không được bát nước sáo  
Hong hóng như l... chực cười  
Hững hờ như hàng tổng đánh kẻ cướp  
Cước vận* (08) rất ít dùng trong các câu tục ngữ có vần, nhưng **yêu vận** (09) thì lại được sử dụng rất nhiều. Thí dụ:  
*Ăn cây nào, rào cây ấy  
Mắt tiền mua **mâm thì đâm** cho thùng  
Tiền vào nhà **khó** như **gió** vào nhà **trông***

**Giàu chủ kho, no nhà bép, chóng chết quản voi**

Sở dĩ tục ngữ lưu truyền trong dân gian từ đời nọ đến đời kia là vì chỉ bằng vài câu ngắn gọn mà lại diễn tả được đầy đủ một ý nghĩa sâu sắc, xác đáng. Điều làm người ta dễ ghi nhớ là nhờ tục ngữ có âm điệu đặc sắc và thường có hai vế cân bằng hoặc đối nhau. Tục ngữ bao gồm đủ mọi khía cạnh của kiếp nhân sinh, có những câu thuộc về luân lý như:  
*Giấy rách phải giữ lấy lề  
Tốt danh hơn lành áo  
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  
Một câu nhin là chín câu lành*

Về tâm lý con người:  
*Yêu nên tốt, ghét nên xấu  
Của người bỏ tạt, của mình lạt buộc  
Bụng miệng vò miệng lọ, ai bụng được miệng thiên hạ  
Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt*

Về phong tục xã hội:  
*Vô vọng bắt thành quan  
Phép vua thua lệ làng  
Sống về mỏ mỏ, không sống về cả bát com  
Một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bép*

Về thời tiết:  
*Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa  
Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão  
Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa*

*Móng bên đông, cầu vòng bên tây, chẳng  
mưa dây cũng bão giạt*

Về thổ sản:

*Nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét (10)  
Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần (11)  
Gà Tò, lợn Tó, vó Vạn Đôn, l...Cổ Loa, cu  
Hành Thiện (12)*

Về nghề nông:

*Cấy thưa hơn bừa kỹ  
Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa  
Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ  
Lúa giỗ ngã mạ, vàng rạ thì mạ xuống đồng*

Về các nghề nghiệp khác:

- Buôn bán: *đắt hàng tôi mới trôi hàng chị*
- Thợ xây: *thượng thu, hạ thêch (13)*
- Thợ mộc: *Già dọc thì sang, già ngang đổ  
vào (14)*
- Nghề thủy: *thuận buồm xuôi gió*
- Xem tướng: *quân tử lông chân, tiểu nhân  
lông bụng*

Những câu ví von:

*Tan như xác pháo  
Nát như tương bần  
Thẳng như ruột ngựa  
Đẳng như bò hòn  
Nói như tép nhảy  
Dám dẫn như chó cắn ma  
Nói như đóng đinh vào cột  
Đen như mồm chó  
Da trắng như trứng gà bóc*

Tục ngữ là một kho tài liệu ngôn ngữ người dân dùng để phát biểu ý tưởng một cách rõ ràng, đơn giản, cụ thể, giàu hình ảnh mà còn đậm đà tình ý. Chẳng hạn muốn tỏ lòng khát khao mong đợi thì chỉ cần nói một câu ngắn

gọn “*Mong như mong mẹ về chợ*” là đủ diễn tả tình ý của người đang chờ mong.

Tục ngữ còn là một kho tàng kinh nghiệm và hiểu biết về thiên nhiên và về cuộc đời được dân gian sử dụng trong cuộc sống, trong phép cư xử và trau dồi phẩm cách. Cha mẹ răn đe con cái, vợ chồng, anh em đối xử, khuyên bảo nhau thường dùng những câu tục ngữ. Tục ngữ có thể coi như túi khôn, một cẩm nang cho người dân dùng để ứng xử trong đời sống hàng ngày vậy.

## CA DAO

**Ca dao** (ca: hát, dao: hát xuống, không có nhạc đệm) là những câu hát tự nhiên diễn tả tình cảm và tư tưởng của người bình dân được lưu hành trong dân gian. Ca dao còn được gọi là **phong dao** (phong: gió) bài hát lan đi như gió. Phong còn có nghĩa là phong tục.

Ca dao khác tục ngữ. Tục ngữ là nhận xét của lý trí, ca dao là tiếng nói của tình cảm. Tục ngữ là những câu ngắn, gọn, ca dao có vần điệu, âm hưởng êm ái có thể hát lên được. Ca dao lời lẽ thanh nhã và dài hơn tục ngữ, đa số các bài ca dao gồm nhiều câu giống như một bài thơ, điển hình như bài *đêm buồn dưới đây*:

*Đêm qua ra đứng bờ ao  
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ  
Buồn trông con nhện giăng tơ  
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai  
Buồn trông chênh chéch sao Mai  
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?  
Đêm đêm trông giải Ngân hà  
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn  
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn  
Tào Khê nước chảy vẫn còn tro tro*

Nội dung những bài ca dao rất phong phú  
diễn tả tâm tình của dân gian với xã hội và  
thiên nhiên về nhiều phương diện (15). Ca  
dao có những bài về luân lý:

Cha mẹ dạy con:

*Con ơi muốn nên thân người  
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha  
Gái thì giữ việc trong nhà  
Khi vào canh cửi, khi ra thêu thùa  
Trai thì đọc sách ngâm thơ  
Dùi mài kinh sử để chờ kíp khoa  
Mai sau nói được nghiệp nhà  
Trước là đẹp mặt, sau là ấm thân*

Vợ khuyên chồng:

*Anh ơi có chí canh nông  
Chín phần ta cũng giữ trong tám phần  
Can gi để ruộng mà ngăn  
Làm ruộng lấy lúa, chăn tằm lấy tơ  
Tằm có lứa, ruộng có mùa  
Chăm làm trời cũng đền bù có khi*

Chồng khuyên vợ:

*Nhà anh chỉ có một gian  
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng  
Anh cậy em coi sóc trăm đường  
Để anh buôn bán trầy thương thông hành  
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh  
Để anh buôn bán thông hành đường xa  
Liệu mà thờ kính mẹ già  
Đừng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười  
Dù no dù đói cho tươi  
Khoan ăn bớt ngủ liệu bài lo toan  
Cho anh đành dạ bán buôn*

Về tâm lý, thể thái nhân tình:

*Cá trong lò đỏ lò con mắt  
Cá ngoài lò nguội ngoắc muốn vô*

\*

*Cái vòng danh lợi cong cong  
Kê hòng ra khỏi, kê mong bước vào  
Sự đời nghĩ cũng nực cười*

*Một con cá lội, mấy người buông câu*

\*

*Ở sao cho vừa lòng người  
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê  
Cao chê ngồng, thấp chê lùn  
Béo chê béo trọc, béo tròn  
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra*

Về tình yêu nam nữ, vợ chồng:

*Ai về đường ấy hôm mai  
Gửi dăm điều nhớ, gửi vài điều thương  
Gửi cho đến chiếu đến giường  
Gửi cho đến chốn buồng hương em nằm*

\*

*Anh đi đường ấy xa xa  
Để em ôm bóng trăng tà năm canh  
Nước non một gánh chung tình  
Nhớ ai, ai có nhớ mình hay không?*

\*

*Vú em chum chúm nũm cau  
Cho anh bóp cái có đau anh đền  
Vú em chỉ đáng một tiền  
Cho anh bóp cái anh đền năm quan*

\*

*Trèo lên cây bưởi hái hoa  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc  
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay  
Thoạt vào anh nắm cổ tay  
Sao trước em trắng mà rày em đen  
Hay là lấy phải chồng hèn  
Cơm sống, canh mặn nó đen mắt người  
- Ba đồng một mớ trâu cay  
Sao anh không hỏi những ngày còn không  
Bây giờ em đã có chồng  
Như chim vào lồng như cá cắn câu  
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ  
Chim vào lồng biết thuở nào ra*

Những bài mang tính xã hội, tình cảnh gia  
đình, hoàn cảnh cá nhân:  
*Chồng em nó chẳng ra gì*



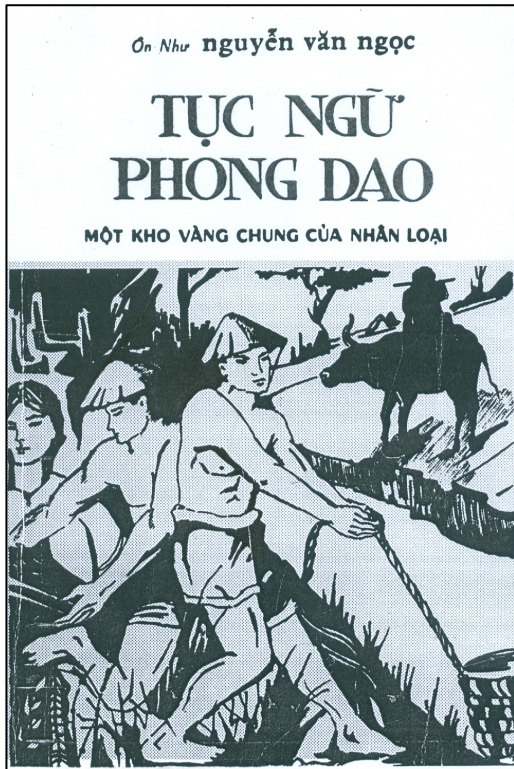
Tổ tôm xúc đĩa nó thì chơi hoang  
Nói ra xấu thiếp hổ chàng  
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà

\*

Có oản anh tình phụ xôi  
Có cam phụ quít có người phụ ta  
Có quán tình phụ cây đa  
Ba năm quán đổ cây đa hãy còn  
Có mực anh tình phụ sơn  
Có kẻ đẹp tròn anh phụ nhân duyên  
Có bạc anh tình phụ tiền  
Có nhân ngãi mới anh quên em rồi

\*

Sáng trăng em tưởng tôi trời  
Em ngồi em để cái sự đời em ra  
Sự đời như cái lá đa  
Đen như mồm chó, chém cha cái sự đời



Về thời tiết:  
Thâm đông, hồng tây, dựng may  
Ai ơi ở lại ba ngày hẵng đi (16)

\*

Tháng giêng rét dài  
Tháng hai rét lộc  
Tháng ba rét nằng Bân  
Nằng Bân may áo cho chồng  
May ba tháng ròng mới được cửa tay

Về nghề nông:  
Người ta đi cấy lấy công  
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề  
Trông trời trông đất trông mây  
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm  
Trông cho chân cứng đá mềm  
Trời trong biển lặng mới yên tấm lòng

Có tính chất hài hước:  
Đàn ông quan tất thì chày  
Đàn bà quan tất nửa ngày nên quan

\*

Ra đường vồng giá ghênh ngang  
Về nhà hỏi vợ cảm rang đầu mày  
- Cảm rang tôi để cối xay  
- Hễ chó ăn mất thì mày với ông

\*

Bà già đi chợ Cầu Đông  
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng  
Ông thầy xem quẻ nói rằng:  
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn

Ca dao cũng có, tuy không nhiều, những bài liên quan đến biển cổ lịch sử:  
Nghĩ ra nông nổi thêm râu  
Ở giữa Đông Khánh, hai đầu Hàm Nghi (17)

\*

Nhớ em anh cũng muốn vô  
Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam giang  
Phá Tam giang ngày rày đã cạn  
Truong nhà Hồ nội tán cảm nghiêm (18)

*Nhà Bè nước chảy chia hai  
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về* (19)

Ca dao còn có một số khá nhiều các câu đố, trong đó một số câu tuy đố tục nhưng giảng thanh (20):

*Từ khi thiếp tới cửa chàng  
Cớ sao chàng để nằm ngang chàng dùi  
Buông ra chò thiếp kêu trời  
Kéo rồi lại có kẻ cười người chê*  
(Lời giải: cái điều)

\*

*Xưa kia em trắng như ngà  
Bơi chum ngủ lãm nên đà em thâm  
Lúc bán chàng đánh chàng dâm  
Đến khi rửa sạch chàng nằm lên trên*  
(Lời giải: cái chiếu)

\*

*Chấm chấm mút mút  
Đút vào lỗ tròn  
Hai cái lông l...  
Cái dài cái ngắn*  
(Lời giải: xô kim)

Riêng những bài về sấm ký thì tuy có nhưng không nhiều:

*Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về  
Giặc đến bỏ để thời giặc lại tan  
Đầu cha lấy làm chân con  
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi* (21)

Một hình thức khác của ca dao là vè. Các bài vè thường châm biếm một nhân vật hay sự việc xảy ra làm xôn xao dư luận ở địa phương. Thí dụ:

*Làng ta mở hội vui mừng  
Chuông kêu trống đánh vang lừng đôi bên  
Long ngai thánh ngự ở trên  
Tả vắn hữu vũ bốn bên rồng châu  
Sinh ra nam tử công hầu  
Sinh ra con gái vào châu thánh quân*

*Làng ta lắm chuyện nực cười  
Có ông nhiều Thục mặt thời đồ gay  
Được cô con gái gớm thay  
Mười chín tuổi rày tính đã trắng hoa  
Làng Thượng cho chí làng Nha...*

\*

*Em là con gái đồng trinh  
Em đi bán rượu qua đình ông nghề  
Ông nghề cho lính ra ve  
Trăm lạy ông nghề tôi đã có con  
Cô con thì mặc có con  
Thất lung cho tròn mà lấy chồng quan*

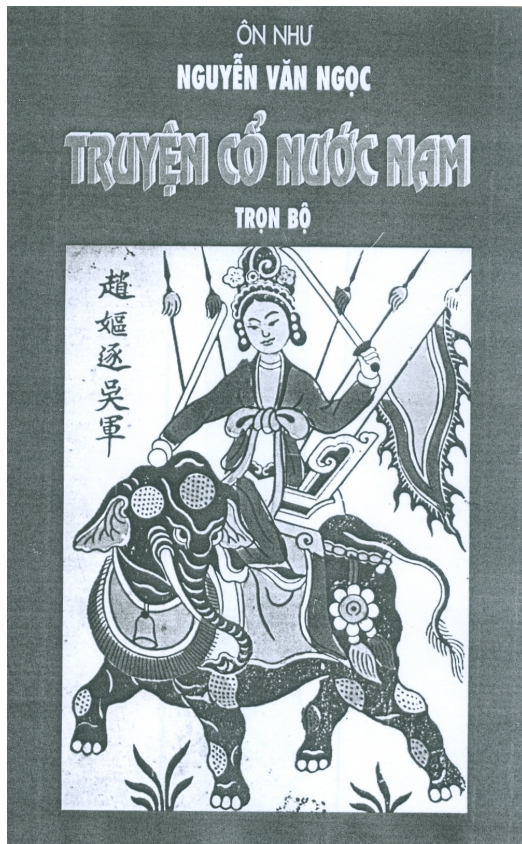
Đồng dao là những bài hát của trẻ con. Những bài này dùng để hát trong các trò chơi của chúng. Nội dung của các bài đồng dao không có ý nghĩa rõ ràng, chỉ là tập hợp những chữ có vần để trẻ con hát làm nhịp cho cử động hoặc để bắt đầu một trò chơi. Tuy nhiên linh hồn lời ca của đồng dao luôn luôn chứa đựng sự ngây thơ, vui vẻ hồn nhiên của trẻ thơ:

*Thả đĩa ba ba  
Chớ bắt đàn bà  
Phải tội đàn ông  
Cơm trắng như bông  
Gạo thuyền như nước  
Đổ mắm đổ muối  
Đổ chuối hạt tiêu  
Đổ phải nhà nào  
Nhà ấy phải chịu*

\*

*Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa  
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào  
Bước lên giường cao thấy đôi rồng áp  
Bước xuống giường thấp thấy đôi rồng châu  
Bước ra đằng sau thấy nhà ngói lợp  
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm  
Ông sống một trăm thêm năm tuổi lẻ  
Vợ ông sinh đẻ những con tốt lành  
Những con như tranh, những con như rói* (22)

Nước ta là một nước nông nghiệp định cư ở trung du và vùng đồng bằng sông Nhĩ Hà và sông Mã. Trong suốt thời gian tối cổ (gần 3000 năm từ 2789 tới 258 TTL) không có chiến tranh, dân chúng sống với những gia súc hiền lành như gà lợn trâu bò, giữa cây cối êm đềm như cây cau, cây dâu, lũy tre, hòa mình vào thiên nhiên hiền dịu có gió mát, trăng thanh, với ngọn lúa, cây đa, giếng làng. Đời sống đơn giản nên những câu ca dao thời cổ hẳn phải hết sức đơn sơ, mộc mạc. Những bài huê tình, nói xa xôi, bóng gió, bóng quơ, châm biếm chắc phải được sáng tác sau này khi đời sống con người được phát triển từ thời nước ta đã có chữ viết.



Việt Nam và Trung Hoa là hai nước duy nhất trên thế giới có ca dao. Ca dao của Tàu có tên là Kinh Thi do Khổng Tử (551-479? TTL) thu thập và san định lại những bài ca dao nơi thôn quê và những bài hát khi có yến tiệc, tế lễ nơi triều miếu. Kinh Thi gồm bốn phần là quốc phong, tiểu nhã, đại nhã, và tụng, nhưng chỉ riêng có phần quốc phong là gồm những bài ca dao, còn những phần khác là các bài hát trong triều đình (tiểu nhã), bài hát trong miếu đường (đại nhã), bài hát ngợi khen các vua đời trước (tụng). Kinh Thi của Tàu chỉ có một phần là ca dao mà lại là những câu ca dao cổ từ thời nhà Chu trở về trước, trong khi ca dao Việt Nam tồn tại và phát triển liên tục từ thời thượng cổ tới hiện đại. Kinh Thi của Tàu nghèo nàn vì hạn chế và bất biến còn ca dao Việt Nam có đời sống phong phú và sống động theo thời gian quả là một kho tàng văn học độc đáo có một không hai trên thế giới vậy.

### TRUYỆN CỔ TÍCH

*Truyện cổ tích* (cổ: xưa, tích: việc cũ) là những câu chuyện đã xảy ra từ đời xưa do dân gian ghi nhớ và kể lại cho nhau nghe để mua vui, giải buồn (23). Truyện cổ tích phát sinh từ một nhu cầu đặc biệt của con người trong giai đoạn cổ sơ. Đó là nhu cầu sự huyền diệu (besoin du merveilleux). Truyện cổ tích là những câu chuyện được truyền khẩu nên chưa được coi là một tác phẩm văn học vì mới chỉ có phần nội dung mà chưa có phần hình thức. Một khi chuyện đó được biên chép lại thì lúc đó mới được coi là một tác phẩm văn học. Truyện cổ tích của ta tuy là sản phẩm của tưởng tượng nhưng phần lớn bắt nguồn từ một sự vật trong thiên nhiên, một tục lệ có thật hay một sự kiện lịch sử. Từ khi chữ Hán du nhập vào nước ta một số ít truyện cổ tích có thể bắt nguồn từ sách sử của Tàu

hoặc kinh Phật (24) Truyện cổ tích của ta có nhiều loại:

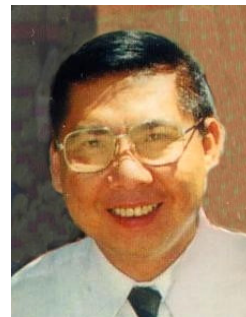
- Truyện Thần Tiên: loại truyện này gồm những truyện có tính cách thần tiên như truyện *Son Tinh Thủy Tinh* (tranh nhau người con gái vua Hùng Vương), *Chử Đồng Tử* (nghèo mà lấy được công chúa Tiên Dung, sau hai vợ chồng cùng lên trời), truyện *Thần Kim Quy* (rùa thần giúp Thục An Dương Vương xây thành Cổ Loa), truyện *Phù Đổng Thiên Vương* (ba tuổi cầm guom sắt, cưỡi ngựa sắt phá tan giặc Ân), truyện *Từ Thức Nhập Thiên Thai* (lên tiên kết duyên với nàng Giáng Hương, sau nhớ nhà về trần, không trở lại thiên thai được nữa).
- Truyện Luân Lý: nhằm mục đích đưa ra một bài học luân lý như truyện *Tám Cám* (ca ngợi người thật thà, chê trách kẻ độc ác, nham hiểm), truyện *Ăn Quả Trả Vàng* (ca ngợi người ăn ngay ở thẳng), truyện *Lưu Bình Dương Lễ* (bài học về tình bằng hữu), truyện *Nguyễn Áng Đánh Cọp* (trả thù cho cha, đề cao đạo hiếu).
- Truyện Phong Tục: liên quan đến phong tục và tín ngưỡng của ta như truyện về tục lệ *ăn trâu*, truyện về *bánh chưng bánh dày*, truyện về *Táo Quân, Vua Bếp*...
- Truyện Loài Vật: loại truyện này có nhân vật chính là con vật nhưng hành vi hoặc ngôn ngữ như loài người, có quyền lực siêu nhiên như truyện *Rắn Báo Oán* (Thị Lộ là rắn hiện thành người báo oán Nguyễn Trãi), truyện *Hồ Đền Ôn*, truyện *Con Chó Đá và Người Học Trò*, v.v.
- Truyện Ma Quỷ: là loại truyện ma quỷ có khả năng biến hóa siêu nhiên nhưng ác độc

thường trà trộn với người để tác ác, đó là các loại ma rừng, ma núi, ma xó, ma mường, ma rặng nhân, ma cầu ao, v.v.

- Truyện Tình Yêu: kể lại những mối tình, nhân duyên oan trái hay dị thường có kết cục bi thảm như truyện *Trương Chi Mỹ Nương* (Trương Chi chèo đò hát hay nhưng xấu, yêu Mỹ Nương con quan thừa tướng, nàng mê tiếng hát nhưng khi thấy mặt thì chê, Trương Chi thất vọng nhảy xuống sông tự vận, mối tình mang xuống tuyền đài chưa tan), truyện nàng *Tô Thị Đổng Đăng* (bồng con lên núi trông chồng, đợi mãi hóa đá), v.v.

Nghiên cứu truyện cổ tích của ta có thể tìm ra phản ảnh của phong tục xã hội thời cổ, hình ảnh người Việt Nam xưa, con người giàu tưởng tượng, chất phác, đôn hậu nhưng cũng giàu óc thực tế, hài hước, hóm hỉnh. Mặc dầu phải sống trong những điều kiện ngặt nghèo để sinh tồn, người Việt ta vẫn là những con người hiền lành, thủy chung, nhân hậu. Qua các truyện cổ ta thấy được hình ảnh dân tộc, xã hội nước ta trải qua những bước thăng trầm lịch sử nhưng vẫn giữ vững nề nếp trọng nông quý sĩ, bảo tồn được tín ngưỡng và các nguyên tắc đạo lý.

(Còn tiếp)



**Trần Bích San**  
(New Orleans)

# BUỔI SINH HOẠT KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH

Nguyễn-Phú-Long.

## 1.- Mở Đầu.

Một giả thuyết kê-cứu của người Pháp được ghi nhớ khi họ đưa ra nhận xét:

“Nguyên thủy, dân tộc Việt-Nam từ miền rừng núi Tây Tạng, lần lần men theo hướng Đông Nam dọc Sông Hồng-Hà tiến xuống vùng đồng bằng...”

Vì ở miền núi, cũng thêm ý kiến giải thích rằng chúng ta trước kia đặc biệt có hai ngón chân cái giao chụm gần với nhau là để mặt chân-để nơi gan bàn chân xòe rộng hơn, để những lúc đi chuyển bước đi bám vào đất cho vững chắc hơn. Người Tàu thời đó thấy vậy mới gọi mình là dân Giao-Chi. Mặc dù, theo Đào-Duy-Anh, trong “Lịch Sử Cổ Đại Việt-Nam” vì chữ “chi” còn là đất nên Giao Chi lại có nghĩa: đất của người Giao. Giao hay Dao không biết nghĩa là gì, đó là tên gọi giống người hiện có khoảng nửa triệu sống trên vùng rừng núi Việt-Nam.

Trần-Trọng-Kim viết: “Người Việt-Nam thuộc về loại da vàng, nhưng mà người nào phải đi làm lụng dầm mưa dãi nắng lấm, thì nước da ngăm ngăm đen, người nào nhàn hạ, phong lưu ở trong nhà luôn, thì nước da trắng trắng như màu ngà cũ...”

Thực sự “Những ý kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích xác.” Tuy nhiên, ít nhiều chúng cũng phần nào đưa đến ý tưởng, gọi cho ta nổi hoài nghi rằng, từ thuở khai thiên lập địa đến hiện tại, vì nhu cầu, vì sử dụng các bộ phận nhiều hay ít, vì môi trường... hình dạng con người tùy nơi, tùy thời, rất có thể, đã thích ứng, thay đổi dần dần chăng?

Trong chiều hướng hội nhập, “Ồ bầu thì tròn ở ống thì dài” đó, có nhóm người vừa già vừa trẻ đang quây quần yên lặng nghe kể câu chuyện cổ tích khả ngộ nghĩnh, diễn giả là một thiếu nữ trẻ với giọng nói thuộc âm vực thanh cao, trong trẻo giống hệt các “liền chị” hát quan

họ Bắc-Ninh, mở đầu bằng hai chữ rất ngọt ngào và rất thân quen: “ngày xưa “...

## 2.- Chuyện Kể Rằng.

Ngày xưa hình dáng, vị trí cái mũi chẳng như bây giờ, mà nó được tạo hóa thực hiện như hai cái ống trúc tròn ghép lại, nổi lên ngay giữa đỉnh đầu từ gốc tới ngọn cao khoảng ngón tay, cặp lỗ mũi chổng ngược lên trời giống cái ống khói lò sưởi trên nóc nhà. Việc hít thở từ đây nhắm thẳng vào vùng khí quyển trong lành, cao tít mù, tránh ô nhiễm, không sợ lây lan H1N1, khỏi đeo khẩu trang, bận bịu, rắc rối.

Hồi đó chưa ai cắt nghĩa cho người ta hiểu, mũi là cửa ngõ tiếp nhận không khí để lấy oxy biến máu đen thành máu đỏ nuôi cơ thể rồi thải phần cặn bã còn lại ra ngoài, nó là một trong ngũ giác, gọi là khứu giác. Cũng như trái tim, nhiệm vụ của khứu giác liên tục “từng phút từng giây”, hết đợt này qua đợt khác, không thể ngừng nghỉ được. Nó phản ứng từ chối khi tiếp nhận mấy chất độc hại hòa lẫn trong không khí bằng cử chỉ “hắt-xì-hơi”; chảy nước mũi... đó là hiện tượng dị-ứng.

Trường hợp thở hít những chất độc hại này hoài sẽ nhiễm phải căn bệnh mà đám bình dân quen gọi nôm na là thối mũi, nếu không thầy-thợ-thuốc-thang chữa trị ngay, càng để lâu càng nặng, càng nguy kịch. Lại nữa, nó còn khả năng phân biệt mùi lạ hương quen, rất dễ thương:

“Chim quỳên ăn trái nhãn lồng,

Thìa thìa quen chậu vợ chồng quen hơi.”

Thờ xa xôi ấy, mỗi bận rời hang ổ, ra ngoài săn bắn, trông trời mưa sinh, gặp lúc mưa rào rào, “Chạy trời không khỏi...mưa”, nước chút xuống đám lá rừng và từ đám lá rừng nước lại thi nhau đổ vào mũi, bịt đường hô hấp ngột thở, bối rối như người không biết bơi bị rớt xuống sông, xuống biển, chẳng lẽ chốc chốc lại chòng cạy chuối, hoặc cúi gập người như hình cầu vồng để xả nước đọng tránh hiểm nghèo. Lúc

đó người ta chưa rõ không khí là cái gì. Mắt chẳng nhìn thấy không khí, nhưng họ biết chắc chắn nước lọt vào mũi là chịu không được.

Nước rất quan trọng cho muôn loài cả động vật và thực vật. Cơ quan Nasa không tìm thấy nước trên mặt trăng nên chẳng thể gửi người lên sống cùng chị Hằng và chú Cuội được, đây chỉ là niềm mơ ước từ trước đến nay của nhiều người trong đó có cả Tản-Đà:

“Cung quế đã ai ngồi đó chưa?

Cành đa xin chị nhắc lên chơi.”

Cô điều cần nói ngay là, cơ-thể chỉ tiếp nhận nước bằng miệng, chẳng bằng mũi. Ấy thế mà nhà nghiên cứu Nguyễn-Duy-Hình đã viết trong một trang Điện-Tử, ngày 29 Nov. 2009 với đề tài: Uống Bằng Mũi (Tì âm) dẫn chứng cả bằng nhơn Lê Quý Đôn, cả tập sách Kiến Văn Tiểu Lục, kể “Giống người Xá-Tụ, người La-Quả thích uống nước bằng mũi... họ còn già ớt, nghiền hồ tiêu hòa với nước rồi dốc vào mũi cho khoái.” Khiến ông Thu-Tử “Phân vân quá, lẽ nào thế được.”

### 3.- Chuyện Bền Lề.

Cử tọa đang hào hứng, say xua theo giới câu chuyện qua giọng nữ dễ thương, hấp dẫn thì trong đám, có cậu nhỏ hỏi:

-Thưa chị, Lê Quý Đôn là ai vậy?

Cô gái ngưng kể, bình tĩnh xã-giao:

-Cảm ơn em, em hỏi về lịch sử là điều rất quý, vì chúng ta ai ai cũng cần biết để hãnh diện về nguồn gốc của mình...

Một ông lão nghe diễn giả dài dòng, trả lời theo nguyên tắc lung khởi, sốt ruột, đã nhanh nhẩu ngắt lời:

-Lê Quý Đôn là con Ông nghề Lê Trọng Thứ, ngài đậu Bảng Nhãn năm Nhâm Thân 1752, làm quan, đi sứ sang Tàu, đã tới Trấn-Ninh của Nước Lào, đã ra tận bờ biển phía đông quan sát, ghi chép địa dư, phong tục, tập quán để viết sách.

Thấy đám trẻ im lặng suy tư như thán phục tổ tiên, không bỏ lỡ cơ hội giới thiệu thêm về tiền nhân, một ông già khác đứng dậy, đỡ lời, tiếp:

-Tiện đây xin kể thêm mẩu giai thoại còn ghi trong cuốn Danh Nhân Đất-Việt do Văn Lang viết cho các cô, các cậu cùng nghe...

“Thuở ấy, có vị đường quan mới đến trị nhậm, bệ vệ trên chiếc cồng đôi, mấy chú lính huyện vác roi đi trước, mấy tên khác mang traps theo sau, tiền hô hậu ủng, ngựa mất thầy Lê Quý Đôn, đang rong chơi khơi khơi trên lộ không biết quan là ai, như đi vào chỗ không người, bèn chỉ tay, hét:” Bay đâu! Bắt thẳng kia vào kiềng cồng thay cho tên phu ốm đói này để quan đi nhanh hơn một chút!”.

“Lê Quý Đôn giả bộ què mùa, ngựa ngác, sợ sệt, rồi khúm núm cúi đầu tuân lệnh. Nhưng được vài bước, đến trước một quán lụp xụp quen, bên bờ hồ, ông hất quan xuống nước cho bõ ghét. Quan quân lóp ngóp lên bờ, gọi nhau hốt hơ, hốt hải:

-Thằng nào lớn gan vậy cả!

-Đừng cho nó chạy thoát!

-Trời nó lại để quan dây việc...

“Chủ nhân và đám khách trong quán nghe lao xao, bèn bỏ dở ván cờ, đặt ly rượu xuống chiếu, chạy ủa ra, thấy tình hình, biết là quan huyện đang vượt râu hùm, bèn truyền tai, phủ nhĩ cho hay... làm tình-thế xoay chuyển khác hẳn ngay lập tức. Quan đang oai vệ như thần đôi sang...tần mẫn như ma. Đám lính khí thế ngùn ngụt bỗng xẹp xuống như cái bong bóng hết hơi. Lê-Quý- Đôn ung dung sửa lại áo quần bỏ đi sau khi nghiêm sắc mặt đồng dặc bảo: ”Làm quan thì phải thương dân, đừng có hống hách.”

Đến đây, bà lão góp chuyện ngồi xuống, mọi người, cả diễn giả nữa, ai nấy đều lịch sự, im lặng, họ chẳng phải giới nhi đồng còn ngày thơ tin là vào những ngày cuối năm ông già Noel vẫn chui qua ống khói lò sưởi lúc nửa đêm đến tặng quà cho trẻ nít, người nghe phần lớn đang ngày ngày bận rộn ra vô qua công đại học, tương đối có trình độ.

Người kể cũng có vẻ như là sinh viên, cô đang đứng trên cái bục gỗ phía trước, đeo một túi vải nhỏ, đựng mấy cuốn sách vở sau lưng, mặc áo sợi mịn màng, nhã nhặn, chân đi giày ba-ta còn mới, nhanh nhẹn. Lúc đó không viết lách gì, nhưng tay phải vẫn cầm cây bút bi, tay

trái chưa đeo nhãn cười, ôm khư khư chai Spring Water trong vắt uống dở dang, mười ngón búp măng “trắng trắng giống màu ngà cũ”, chẳng sơn đỏ, sơn xanh như phần đông các thiếu nữ khác. Ngoài ra còn cả mấy vị cao niên tham dự ngồi ở hàng ghế đầu, làm buổi sinh hoạt tăng phần nghiêm trang quan trọng. Thoạt tiên, mấy lão, người trước kẻ sau lúc đến nơi thì tiện đâu ngồi đó, nhưng bọn trẻ không chịu, thấy vậy, kéo các cụ lên, vừa cười vừa nói đại khái “Kính lão đắc thọ, kính lão đắc thọ!” Các cụ cũng cười, đi theo, vui vẻ, chấp nhận.

Họ tụ tập, hện hò hình như đây là một sinh hoạt lành mạnh, định kỳ của nhóm người nhất định trong một căn phòng bài trí chỉ toàn ghế ngồi, không lớn lắm nên cũng chẳng cần dùng hệ thống khuếch âm và diễn giả hình như cũng được luân phiên... Nếu đúng là hò hện, luân phiên, học tập thì sự việc một cô gái trẻ chứ chẳng phải ông già đang chủ động buổi kể chuyện cô tích thì cũng giải thích được, mặc dù, thông thường, vẫn biết là “Tuổi già hay kể chuyện xưa...” đúng như nhà nghiên cứu Nguyễn-Khắc-Viện đã viết.

Câu chuyện cô tích lại tiếp tục, cô gái mỉm cười, nhìn cử tọa, dơ cây bút bi lên cao lưu ý mọi người rồi kể...

#### 4.- Chuyện Như Vầy...

Ngày xưa... cuộc mưu sinh của thời đồ-đá chật vật hơn bây giờ, chưa có phát minh kia nọ, trước những sức mạnh, những biến đổi của thiên nhiên, mọi chuyện đều là huyền bí, người ta chỉ một lòng, tin và thờ phụng các vị thần như thần mặt trời, thần núi, thần sông, thần rắn, ông cò... gặp những trở ngại mưa nắng họ cũng chẳng có khả năng khắc phục, chỉ biết van vái cầu xin, trong tai nạn nước đổ vào mũi, họ ước ao, giả người ta có thêm cái go để thờ dưới nước như loài cá thì đỡ khổ biết bao. Lan man, đám dân lâm than lại thắc mắc, nếu thời vua Hùng-Vương thứ 18, Thủy Tinh đánh thắng được Sơn-Tinh nơi chân núi Ba-Vi ở Sơn-Tây, đám quân binh sò, ngao, ốc, hến, tôm, tép ca khúc khải hoàn, rước công chúa My-Nương về thủy cung thì nàng sẽ sống ra sao nhỉ, phải có cách nào để “đệ nhất phu nhân” khỏi bị chết ngập chứ!

Hồi ấy, mấy bô lão chẳng còn lao động được nữa, sáng chiều nhàn nhã, thơ thẩn ra vào, không phải mó tay vào việc mưu sinh, với điều thuốc rê thường trực bập trên môi, cứ ngồi nhìn thời gian trôi, ăn uống là chuyện nhỏ, đâu có gì quan trọng, khát thì vọc cái gạo vò hũ nước mưa ở góc cau trước sân, đói thì bới củ khoai, khúc sắn vùi dưới đám than hồng vậy là xong. Với kinh nghiệm qua cuộc sống dài dằng dặc, có sẵn sàng rất nhiều câu trả lời, rất muốn trả lời, song thường ít được ai hỏi tới, thấy vậy, đã nhanh nhẩu nhào vô bầy vẽ, gặp trường hợp trời mưa thì hít hơi vào bụng, thỉnh thoảng xì một cái để chút xíu nước đọng trong mũi có sức đẩy bắn ngược lên ra ngoài.

Các cụ lại lưu ý thêm là khi làm như thế, phải cẩn thận, đừng dùng sức mạnh quá đáng mà đứt giải rút quần, hơn nữa, đôi khi áp dụng không khéo, kéo theo giọt nước còn cả cục đờm bầy nhầy, thông thường vẫn thấy ở bọn trẻ thò lò mũi xanh, cục “thò-lò-mũi-xanh” bắn tung lên, lúc rơi xuống trúng mái tóc, y hết vô tình bị lũ chim bồ nông, hoặc đám vịt trời đang bay thả bãi phân giữa đình đầu cũng phiền và cũng ớn!

Suy nghĩ hoài, có lúc bẻ mấy tàu lá to bần che đầu cũng chả được, vì vướng cái mũi. Thử mãi, chẳng thấy phương pháp nào hoàn toàn, vô phương cứu nạn nên cuối cùng mọi người mới kéo nhau lên Thiên Đình làm lễ đúng thủ tục, tung hồ vạn-vạn tuế rồi chổng mông xuống đất, trình bày khóc lóc, xin cứu giúp để “cái nước nó đừng đi vào cái mũi, giống như lấy cục đất thò bịt kín lại, chịu không nổi.”

Ông Trời nghe trình bày thì hiểu ngay, nhưng, muốn thăm dò xem sự cản trở nặng nhẹ cỡ nào, bèn ngó qua ngó lại tính kiếm cục đất thò, mà xung quanh đây làm gì có đất thò! Cung điện toàn pha lê, cẩm thạch, ngọc ngà, vàng bạc... Bèn lấy tay thử bịt mũi mình thì quả nhiên cũng chỉ một hai phút là da bụng căng cứng dần, mắt mờ, tai lũng bủng, thân thể lão đảo như nhẹ, như nặng, nhiệt độ tăng lên, muốn vỡ tung ra.

Liên ngưng cuộc thử nghiệm, tự nhận sơ sót nghiên cứu không kỹ khi tạo dựng nên hình dạng con người, bèn bắt tay vào việc, hóa phép cho cái mũi quay ngang 90 độ, như hai nòng

khẩu súng săn Calibe 16 hướng thẳng vào kẻ thù, chuyên cái mũi xuống vị trí nằm ngay mặt, cân đối giữa miệng và cặp mắt, để sự hô hấp không khí từ phía trước, chừa còn sợ nước xối vào mũi làm nghẹt thở, nguy hiểm, gọi emergency không kịp, có thể đưa đến tử vong.

Đám người lay tạ trở về, vui vẻ sử dụng cái tiện nghi mới được tân trang, để từ đó vẫn làm việc khơi khơi giữa ruộng nương, rừng rậm, thơ thới, hân hoan. “Trời mưa thì mặc trời mưa.”

Thế rồi không nói ra mà ai cũng biết, dòng đời dù chưa phức tạp với máy móc, tiện nghi linh kinh, nó cũng luôn sẩy đến những vấn đề cần giải quyết. Hết chuyện nọ tới việc kia, và tiếp nối, chỉ ít lâu sau thôi, giữa cuộc nhân sinh lại phát hiện ra một nỗi phiền phức khác, cũng vì cái mũi, nghiêm trọng, vô cùng trở ngại, cần phải điều chỉnh chứ để vậy cuộc sống chung sẽ rất khó khăn có thể dẫn đến hiểu lầm, mất hạnh phúc, tan vỡ:

“Anh đường anh, tôi đường tôi,  
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi!”

Diễn hình là có hai vợ chồng kia, từ tỉnh mơ đến tối mịt, làm việc quần quật, đêm về, và vội miếng cơm, uống lưng ngum nước, phui chân mau mau cùng leo lên giường nghỉ ngơi, đang gà gà giặc điệp thì người chồng bỗng đập vào vai vợ tức tối, căn nhắc: “Chơi kỳ vậy! Cứ thờ vào mặt người ta thì làm sao ngủ được!”

Người vợ chối bai bai, giọng nũng nịu “Tui đâu có muốn làm gì! Tui cũng đang mệt thấy mồ chứ bộ!”. Rồi vợ chồng “Chín bỏ làm mười” mọi chuyện nhanh chóng trở lại bình thường, hai bên tiếp tục thì nhau kéo gối pho pho.

Được một lát, lạ thay, bà vợ cũng nổi nóng cùng đức lang quân tương tự với lý do như thế. Đang mơ mơ màng màng thì một làn gió cứ mơn man nhẹ từng chập vào mặt, buồn buồn như con ruồi bò qua bò lại bên má, bên môi, như cọng cỏ rả rụi rả tới trên mắt, dưới cổ nhột nhạt, để mê tỉnh ngủ...Đang ngủ ngon chưa đã giấc, mà tỉnh ngủ thì chả bực gì bằng, bèn nổi tam bành lên, đâm vào lưng chồng thùm thụp, “Kỳ quá hà! Hồng giỡn đầu nha!”... làm bố thẳng cu mờ mắt, mặt cứ nghẹt ra, chả hiểu mô tê răng rứa!

Về sau, mãi, họ mới khám phá ra thủ phạm là tại cái mũi khi nằm quay mặt vào nhau vô tình kẻ nọ cứ thổi vào người kia thật khó chịu để nổi nóng, chứ lớn rồi, vợ chồng muốn chi thì nói, có ai chơi kỳ cục vậy đâu!

Để giải quyết, một lần nữa, trước hết, thì, “vuốt mặt phải nể mũi” họ dất nhau tới các bộ lão trong bản xin vấn kế. Các bộ lão là những người từng trải đầy mình, thiện chí đầy mình, với năm tháng dài sấp gần đất xa trời, mớ “kiến thức” còn ập e trong bụng giữ làm chi. “Nhân sinh tự cổ thùy vô tử” và khi hai tay buông xuôi đâu có mang đi được gì, nên không chủ trương Chinese secret, đã truyền dạy cho đám trẻ nhiều điều hữu ích như phá đất thành nương trồng trọt, bẫy thú rừng, kỹ thuật dùng lá khô làm lều tranh che mưa nắng, kiếm các loại dược thảo phòng khi trái gió trở trời...

Song đó là về phương diện vật chất, còn đứng trên mặt tinh thần mấy bố cổ hủ chậm chạp thấy mờ! Mấy bố mù tịt về “rô-măng-tít”, chẳng biết rằng cuộc sống trước sau dù chưa qua hai thế hệ nó cũng biến chuyển đến ngỡ ngàng... Mấy bố còn ngây thơ cứ tưởng, “ờ đời chi có thể mà thôi” khó gì chuyện ấy đến nỗi không giải quyết được. Chợt mấy bố nhớ câu ca dao:

“Chuột kêu rúc rích trong rương,

Anh đi cho khéo đừng giương má hay!”

Bèn phán: “Thì tụi bay mỗi đứa kiếm một xó mà nằm, cần thì ráp vô, xong chuyện thì xích ra, tiếp tục kéo bễ tự do thoải mái, đâu có chết thẳng Tây nào.”

Nhưng đám trẻ lập tức không đồng ý, nhao nhao: Các cụ ơi! Sao lại nói thế, mới đây mà đã quên tiết, các cụ chớ nhớ cái gì sắt cá, cuộc đời nào chỉ có cái vô đưa nhau lên đỉnh Vu-Son. Xin hỏi các cụ chứ, nếu mỗi đứa một xó thì “tay đây ai sẽ tựa đầu? Em sẽ tựa đầu tay đâu?” để còn bàn tính tương lai, chuyện trò năm canh thao thức ni non! Tụi tui làm sao ngủ riêng mỗi đứa một xó được. No way, ngủ riêng như thế thà chết sướng hơn...

“Mới đây mà đã quên tiết!”

Ờ!...ờ!... Bọn trẻ nói đúng! Hồi tưởng lại, cái thời quần quýt, riu rít, tâm tình suốt ngày chưa đã. Suốt đêm keo sơn, miệt mài như hình



với bóng đầu thể chia xa, biết mấy cho vừa... như mới hôm qua!

Kế tiếp, dần dần mọi sự thay đổi bao giờ chẳng rõ. Cảnh xum vầy đông đủ ban đầu cứ thưa dần. Chim đủ lông đủ cánh đã bay. Đến nay thì nhìn trước nhìn sau hộ khẩu gia đình chỉ còn hai kẻ già nua, mà cuộc sống gần bó hừng hực bận rộn trước đã lùi vào dĩ vãng, thực tế đôi khi đối diện không biết nói gì, mỗi người ngồi một đống,

“Rúc rích thầy cha con chuột nhắt,

Vo ve mặc mẹ cái ong lam...”

Còn đâu những gối tựa, vai kề, thủ thi, bù khú, xun xoe, tham lam...

“Cho đi cũng muốn thật nhiều,

Nhận về nào biết bao nhiêu mới vừa.”

Hiện tại thật phũ phàng kéo đến từ đâu, chẳng biết lúc nào, hai cái bóng lặng lẽ, dật dờ, đứng dung, hình như vẫn sống chết có nhau, người nọ là hình ảnh của người kia và ngược lại. “Đề hôn đất mất hôn vàng.” Nhưng:

“Tâm tư bày giải đầu còn chuyện,

Lòng dạ phơi ra đã đủ điều.”

Bao nhiêu là sướng khổ vui buồn kể từ “cái thở ban đầu lưu luyến...” Và, lạ thay, như cái ô-tô hết điện, thực tế chỉ còn trơ ra đồng sắt vụn, vô dụng, con tim giờ như đã không còn chung một nhịp, hơi thở đâu có đồng bộ nhịp nhàng hồi hộp như xưa, những sự cần thiết tưởng sẽ mãi mãi cần thiết đã hết cần thiết tự lúc nào! Mỗi người lại đề ra nhiều tiện nghi mới, phát sinh hàng lô nhu cầu khác biệt, nên ăn cũng chẳng buồn rủ nhau, nằm thì sớm muộn riêng rẽ, phận ai nấy lo, khỏi bức mình vì ngáy, vì ho, vì lục đục “đêm dài” Ôi! Thời gian!

Các vị bô lão đành im lặng. Kết quả là không có cách nào khác, dù xa xôi diệu vợi, đám người lại phải mượn mấy con cá chép của vua bệch để di chuyển, kéo một lũ nướm nượp như đi biểu tình, lên trời van xin giúp đỡ lần nữa, và khi nghe đám dân đen kể khổ, ông trời cũng thương, thờ dài, mũi lòng, ngậm nghĩ: sao kiếp người “tụi nó” nhiều nỗi lầm than, khó khăn thế, bèn tận tình cứu độ thêm một phen.

Đám người đứng thành hàng dài, Con Tạo làm việc theo nguyên tắc y như phương pháp gây chuyễn của Taylor sau này, lướt đi từ đầu

chí cuối đã thoãn thoắt nấn bóp từng người, chẳng cần dao kéo mổ xẻ gì cả, mỗi “bệnh nhân” thời gian mất đầu khoảng hơn một sét-na, nhưng chưa tới thời lượng bóng-câu-qua-cửa-sổ và chỉ một thoáng, đã điều chỉnh làm cho hình dáng cặp lỗ mũi của loài người chúc xuống đất, lại cân thận ẩn vô trông ít “râu rồng “ ngăn bụi bặm, tiện lợi, khiến bà nọ nhìn ông kia cười ngất nghẹo, ngạc nhiên, thích thú, hài lòng với mấy kiểu đặc thù, ngồ ngộ chẳng ai giống ai, đây chất sáng tạo: mũi lõ, mũi dọc dừa, mũi khoằm, mũi tẹt, mũi phồng, mũi hin...mỗi người mỗi vẻ to nhỏ khác nhau.

Theo cuốn “Đặc Điểm Nhân Chủng” của Nguyễn-Lân-Cường (NXB Khoa-Học Xã-Hội, VN, 1996) trích dẫn trong tuần báo Góc Nhìn số 33 thì “Chỉ số mũi “ của Việt-Nam rất giống mũi người Koryak, người Chukchi ở Nga Viễn Đông, đều thuộc giống mũi tẹt.

Hình như đó là do ông trời ưu ái đặc biệt ban cho đám người này, để mỗi lần nam nữ tỏ bày thương mến, hôn nhau, hai đối tượng chẳng phải “xoay bản lề” mắt công ngoẹo đầu ngoẹo cổ tìm tư thế thuận lợi.

Thí dụ, lúc vắng vẻ, thoải mái, trời trong gió mát, đôi uyên ương “Tình trong như đã mặt ngoài còn e”, đang ở bên nhau, gió Xuân phơi phới, chỉ cần nhẹ nhàng nghiêng bên nọ bên kia đi chút xíu theo đường chân trời là đã có thể nhìn nhau đắm đuối, cặp mắt lim dim, say sưa, ngọng nghịu “Gua khương em!”, tiếng thắm thì nhẹ như hơi thở, thẹn thùng đáp lại “I love you!” rồi tiếp theo tới cái màn ôm nhau, hôn nhau mùi mẫn, mãi miệt, mê man...

Cái thời văn sĩ Nhất Linh viết truyện ngắn “Mối Tình Chân” cứ chỉ hôn nhau ở Việt-Nam còn hiếm hoi. Ông mô tả cặp trai gái quê mùa cùng ngồi trên chiếc thuyền nan chòng chành, cảm sào bên bờ con lạch vắng, cô gái bị đau mắt, anh con trai ra cái điều dù chẳng phải hậu duệ Hoa-Đà, nhưng muốn tỏ là kẻ rành về y học. Trong lúc họ đang chơi “bác-sĩ “ đang xem mắt cho nhau, họ chẳng biết hôn nhau, hoặc chưa dám hôn nhau, chỉ cố ý lợi dụng đụng nhẹ hai bàn chân vào nhau thôi, lúc ấy ở nhà quê thường đi chân trần, lấy đầu ra giày guốc, thế mà cả hai

đương sự đã khám phá ra cái cảm giác ngây ngất, tuyệt vời... vô cùng bức xúc.

Nay những cảm giác ấy, nói chung, đã lớn, đã chai đá, tầm thường. Thì cứ thử tưởng tượng coi, hiện tại, đung vào chân đầu tác động gì. Muỗi đốt gỗ! Nó đâu có nhằm nhò chi, so với hành động hôn nhau quay cuồng, trời đất mịt mờ mà đám chơi chơi đang lợi dụng khai thác phương tiện này hơi nhiều! Hay đúng ra phải nói là nhiều so với các lứa tuổi khác!

Nhưng tất cả những lứa tuổi khác, già, trẻ, trai, gái... cũng đều sử dụng chứ chẳng phải không! Điều nhận xét này đúng thôi, ai mà chả đã hơn một lần dùng tới, ban ngày, ban đêm, chỗ kín đáo hay nơi công cộng dĩ mục quan chiêm!

Rồi đến một thời gian “t” nào đó, hôn môi có bị coi là nhảm chán, chẳng thậm thía gì không nhỉ? Thân thể con người cũng giống thiên nhiên, khi thời gian khai thác một vùng dù lâu hay mau, tới lúc cạn kiệt chẳng còn mầu mỡ, muốn gặt hái kết quả tốt, muốn “đã” hơn, có lẽ, lại phải nghĩ tới đi rời như kiếp sống du mục của người Bô-Ê-Miêng đi tìm đất sống mới chẳng hạn... Mà thôi! Kể chuyện về cái mũi sao cứ lan man xuống tới đôi môi, dù mũi và môi thật gần, tạm ngưng ở đây nhé, kéo lạc-đề bây giờ.

Bây giờ thì mọi sự êm ả, tốt đẹp. Chả biết sau này cái mũi còn trực trặc gì không! Hy vọng là không. Mà nếu còn trực trặc thì lại... lên trời. Ông trời toàn năng với tấm lòng “trời bể” có lẽ sẽ giúp giải quyết nếu thấy chính đáng. Nhân tiện đây, lần nữa, cảm ơn trời đã sửa cái mũi cho ta, hơn thế, còn cho ta cuộc sống, cho ta tấm thân thể với những bộ phận nọ kia, tiện nghi, đặc dụng, quyền rũ, hấp dẫn, để yêu đời, vui vẻ, quây quần, thoải mái, và để nhiệt tình gắn bó thương mến nhau, thi hành, bảo vệ, tiếp nối thiên-chức sinh tồn... trong cõi trăm năm.

Buổi sinh hoạt tới đây là chấm dứt. Xin cảm ơn các cô, bác, các anh, chị, em đã bỏ thời gian nghe kể câu chuyện vui vui hoang đường.

## 5.- Lời Kết.

Truyện cổ tích phần nhiều là hoang đường. Nhưng không phải truyện cổ tích nào cũng

hoang đường. Và quan trọng là dù hoang đường nhiều truyện cổ tích vẫn lưu truyền mãi mãi.

Một điều hơi ngạc nhiên là tuy bề ngoài có vẻ ngây thơ, hiện đại, trẻ trung, mà lời kể chuyện của thiếu nữ thì “.một tay cũng già”, chừng chạc, kinh nghiệm, thu hút, lôi cuốn, lịch sự, không ngại trình bày thẳng thắn nhiều vấn đề một cách nghiêm túc, khéo léo, nhưng vẫn dễ thương, thân thiện, nhã nhặn.

Hồi xưa lợi dụng lúc buổi tối sáng trăng, hay những chiều mưa, nơi xóm bếp lữ cháu nhỏ thường cùng ông bà rù rì rù rì với câu chuyện cổ tích. Nay đám trẻ tối ngày bận xem TV, chơi game trên máy vi tính khiến các hình ảnh ấy trở thành xa lạ. Buổi sinh hoạt về truyện cổ tích như thế này cũng xa lạ, hay đúng hơn phải nói là mới mẻ. Ước mong sự mới mẻ dù không hữu ích bao nhiêu, nó cũng nhắc nhở đôi điều lịch sử, thể hiện chút thái độ về nguồn...

Trước khi chấm dứt, thiếu nữ đã nói cảm ơn cử tọa như là cô, bác, anh, chị, em của mình. Họ thuộc cùng một gia đình thân tộc ư? Chắc không phải. Nhưng diễn giả xưng hô thế nói riêng và tất cả mọi người Việt-Nam nói chung cũng xưng hô tương tự thế. Ra đường gặp người đáng tuổi cha chú thì chào bác, chào chú. Nơi công cộng thấy lũ nhỏ như em cháu mình thì gọi các cháu, các em. Vậy phải chăng chúng ta đã cùng chấp nhận sự tích thân thoại Bà Âu Cơ lấy Lạc-Long-Quân sinh ra trăm trứng trăm con từ trước đời Hồng-Bàng!

Mọi người như bưng tỉnh, từ giã thế giới cổ tích hư hư thực thực. Trở về với cái ngọt ngào, ồn ào của thế kỷ 21, đối diện những vấn đề điên đảo: cướp biên, không tặc, bom tự sát... với nỗi lo âu về lời tiên đoán của NASA là mặt trời sẽ nổ lớn vào năm 2013; Về quả địa cầu đang bị hâm nóng dần dần, viễn ảnh là từ từ đẩy nhân loại xuống hố, chết thiêu cả lũ. Nguy hiểm, rất nguy hiểm, mà vì quyền lợi riêng tư, thiên cận, chưa biết bảo nhau giải quyết làm sao. Đây toàn là chuyện do chính mình làm ra, chẳng thể cầu xin ông trời giúp đỡ gì được.

**Nguyễn-Phú-Long.**

(Virginia)

# HƯƠNG NGÁT TÌNH THƠ

## Đỗ Bình

Từ ngàn xưa những lời tỏ tình của trai gái gặp nhau rất lãng mạn, đã để lại trong Thi ca Việt Nam nhiều giai thoại hay. Sau được các thi nhân ẩn danh minh họa ra câu thơ và đã tặng cho đời một bài thơ tình tuyệt vời còn lưu truyền mãi trong văn học đến nay:

*“Hôm qua tát nước đầu đình,  
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.  
Em được thì cho anh xin,  
Hay là em để làm tin trong nhà.”*

(Ca Dao)

Thơ là thông điệp của tình yêu, là kho tàng cất giữ lời hẹn ước trăm năm của hai kẻ yêu nhau chứa đầy hương thơm mật ngọt lẫn trái đắng của những cuộc tình. Thi sĩ Xuân Diệu một trong những người mở đầu cho trường phái lãng mạn trong thi ca Việt nam đầu thế kỷ trước. Có thể nói Xuân Diệu là thi sĩ tiêu biểu cho Thơ Tình lãng mạn thời kỳ ấy. Nhà thơ đã cảm nhận tình yêu qua câu thơ tuyệt vời:

*« Yêu là chết ở trong lòng một ít  
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.  
Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu;  
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết ...  
Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt.  
Tương trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,  
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!  
-- Yêu, là chết ở trong lòng một ít ... »*

(Yêu) (1935)

Vào cõi thơ là lạc cõi bồng bềnh vô tận, nơi ẩn chứa của những tâm hồn đa sầu đa cảm thi nhân về những mối tình thiêng liêng sâu kín nhất. Nhà thơ đi giữa cõi mộng và thực, hòa lẫn mộng thực cho đời thêm sắc màu. Thơ là bạn đồng hành của những tâm hồn đau khổ, thơ sẽ làm vui đi nỗi buồn, vỗ về những niềm đau, thi vị hóa những cuộc tình dang dở biến thành một “thú đau thương” tặng cho đời. Nói đến thơ

tình thời kỳ lãng mạn ở thế kỷ trước không thể quên người thi sĩ tài hoa tự nhận mình là “chân quê” đó là thi sĩ Nguyễn Bính. Có lẽ ngôn ngữ thơ ông bị ảnh hưởng nhiều từ ca dao nên mới tự nhận mình là chân quê. Nhưng “chân quê” ở đây là “chất Việt Nam”, cái hiền hòa “trong sáng” chứa trong tâm hồn người dân quê bình dị. Bút pháp tài tình, sử dụng điêu luyện ngôn ngữ chân phương, có thể xem thi sĩ Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ có nhiều bài thơ tình hay và độc đáo ở thời kỳ đó. Thơ tình lục bát một thể thơ độc đáo của Việt Nam, dễ bắt chước hình thức nhưng khi thực hành lại khó hay! . Thông thường những vần thơ lục bát dễ trùng nhau về thanh, cách gieo vần điệu, nhưng lại khó cách ngắt câu kếp tạo nhịp. Rất khó dùng đảo ngữ, ngắt nhịp để hình ảnh câu thơ không rơi vào lối sáo mòn, ý thơ xếp nếp cũ rích, ngôn ngữ trở nên nhạt nhẽo. Dòng thơ tình lục bát của thi sĩ Nguyễn Bính đã thuộc về dân gian:

*« Hôm nay dưới bến xuôi đò  
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.  
Anh đi đây, anh về đâu?  
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm... »*

(Không Đẻ)

Thi nhân nặng nợ với tình thơ nào khác chi kiếp tầm nhả tơ. Hồn thơ tựa làn khói, mùi hương; mà hương thì vô ảnh người đời chỉ cảm nhận chứ không thấy được hình tướng. Nhưng ngay cả lúc hữu hình, hồn thơ hóa thể thành sợi khói, văng mây chúng ta đều nhìn thấy nhưng nào ai nắm bắt được? Chỉ có con tim thi nhân mới biết hóa thể theo sự rung cảm, nhập vào ngoại cảnh thành những bông hoa đời.

Trong tiến trình của dòng lịch sử thi ca kể từ thời thơ cổ đại đến dòng thơ tạo sinh hôm nay về hình thức, cấu trúc của thơ có nhiều thay đổi, Nhưng hồn thi nhân vẫn thế, vẫn là một cõi riêng như giọt sương mai mong manh dưới nắng hồng, vẫn long lanh tỏa ra muôn sắc, dù chỉ một

thoảng sẽ tan vỡ mang theo màu diễm ảo về một cõi vô cùng. Nhập vào cõi thơ là sống trong cõi phiêu bồng. Có những hình ảnh chỉ thoáng trong giấc mộng, hay trong tâm tưởng rất đẹp và mộng như những bài thơ không lời nên không chép được nhưng vẫn làm say đắm lòng người đa cảm.

Từ ngàn xưa gió trăng vẫn thế, không mang cảm tính, nhưng kể từ khi có nhà thơ xuất hiện đã mang tâm cảnh hòa với ngoại cảnh để gió trăng kê cận, giao duyên với nhau. Gió tuy gần nhưng lại vô hình bóng, thế mà gió cũng biết là loi đùa trên làn tóc rối..Trăng tuy xa vời vợi nhưng trăng bỗng hóa gần để ngậm ngùi, chia sẻ những đau thương của những mảnh đời vỡ vụn. Thi sĩ Hàn Mặc Tử, người nghệ sĩ tài hoa nhưng lại mắc một chứng bệnh nan y, nhà thơ thích ngắm trăng, đùa với gió, nhưng mỗi độ trăng tròn là cảm thấy đau đớn. Cái đau ở đây không phải là đau thể xác vì chứng nan y đã làm tê liệt các tế bào làm ông không còn cảm giác. Nhưng niềm đau trong tâm hồn là một khối sầu vẫn chất ngất. Thi sĩ hòa với gió trăng để vợi niềm đau. Những cảm xúc ấy đã họa lên một bức tranh qua câu thơ tuyệt vời:

*“Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu  
Đợi gió đông về để lả lơi.  
Hoa lá ngây rình không muốn động,  
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.”*

**(Bên Lề)**

Hoặc :

*«Trăng, trăng, trăng, là trăng, trăng,  
trăng !  
Ai mua trăng tôi bán trăng cho  
Không bán đoàn viên ước hẹn hò... »*

**(Trăng Vàng Trăng Ngọc)**

Thơ tình “lừa đời” là những trái mộng đầu đời ai cũng có thể hái, chất chiu kỷ niệm, gom nhặt cảm xúc trang trải lên trang giấy học trò thành nhiều bài thơ tình có bài hay, có bài dở, nhưng với thời gian những bài thơ ấy bay theo gió về một cõi mơ! Để thành một bài thơ tình xuất sắc, độc đáo rất khó ! Cái khó ở đây cả nội dung lẫn

hình thức. Ở tuổi mới lớn những tâm hồn mơ mộng có thể làm được nhiều thơ tình đầy cảm xúc, nhưng nặng chất học trò. Người làm thơ chưa đủ ngôn ngữ chất lọc, hiểu biết sâu rộng về cấu trúc thơ để có thể diễn đạt được những cái hay cái đẹp của thi ca vào trong cõi tình. Có người cất xén những ca từ của những nhạc phẩm hoặc cốp nhặt những mẫu chuyện tình trong các tiểu thuyết Âu Á rồi cắt dán, vá vúi gọi là sáng tạo?! Trong muôn vạn bài thơ tình thuở học trò cũng chỉ có một số ít bài hay đến với giới thường ngoạn, và số ít người làm thơ đó chính là thi sĩ với những bài thơ tình mang tính độc đáo. Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên là một trong số người làm thơ nổi tiếng khi còn rất trẻ năm xưa. Thơ ông không cầu kỳ nhưng có tính độc đáo, và cái hay là ở điểm này. Nhà thơ không e ngại cảm kỹ, vượt thoát khỏi khuôn khổ nhà trường, mang tình yêu lứa đôi vào giáo đường, những nơi thờ tự nhưng vẫn giữ tính tôn nghiêm. Nhà thơ giàu tưởng tượng, hư cấu cái thực làm phong phú hình ảnh, ý thơ:

*...“vì tôi là linh mục  
không mặc áo nhà giòng  
nên suốt đời hiu quạnh  
nên suốt đời lang thang ! ..  
tín đồ là người tình  
người tình là ác quỷ... »*

**(Linh Mục)** (1970)

Nhà thơ còn ví người tình của mình như vị nữ tu:

*« ..Em hiền như ma soeur  
Vết thương ta bốn mùa  
Trái tim ta làm mù  
Ma soeur này ma soeur .. »*

**Ma Sœur** (1971)

Nguyễn Tất Nhiên đã cảm nhận sự bề bàng tột cùng của tình yêu nên hướng tâm hồn về đức tin Tôn giáo:

*« Hai năm tình lận đận  
Hai đứa cùng xanh xao.....  
Em không còn thất bính  
Nuôi dưỡng thời ngây thơ  
Anh không còn lịnh quỳnh  
Giữa sân trường trao thư.....*

*Em bây giờ có lẽ  
Toan tính chuyện lọc lừa  
Anh bây giờ có lẽ  
Xin làm người tình thua...  
Chuông nhà thờ đổ mệt  
Tượng Chúa gãy hơn xưa..  
Anh bây giờ có lẽ  
Thiết tha hơn tin đồ ...»*

### **Hai năm tình lận đận**(1972)

Ở thời đại khoa học tiến bộ vượt bậc, đời sống vật chất cao đã ảnh hưởng đến đời sống con người. Chất lãng mạn bị dần khô héo, mặc dù ngoại cảnh nơi xứ người vẫn bốn mùa thay đổi. Phải nặng tình thơ lắm thi nhân mới dám ôm cái nghiệp dĩ vào than, lắng hồn mình hòa với ngoại cảnh để thấy hoa cười trong nắng mai, sợi buồn giăng cô úa, và gom ngoại cảnh nhập thành tâm cảnh nghe nỗi buồn rả rích bò trong xương tủy, len qua tiếng thở dài. Trên bước đường tha hương thơ là bạn đồng hành của người xa xứ. Thơ đã chia sẻ niềm đau, nỗi nhớ và sự cô đơn. Ở tuổi quá đôi mươi, người làm thơ bị đời cuốn hút, cuộc sống bị thực tế cọ sát, chất thơ học trò mơ mộng bị hòa với cuộc sống nhập theo từng hoàn cảnh, đời và thơ quyện nhau tạo thành những dòng chảy muôn hướng. Có những nhà thơ thích làm mới thi ca, muốn tìm tòi đổi mới ngôn ngữ, thể nghiệm một bút pháp lạ, một hình thức diễn đạt mới, làng thơ trong nước cũng hải ngoại bị dao động, xôn xao !. Thơ tình tạm lắng xuống nhường cho những nguồn thơ khác như: Quê Hương, Thân phận, Chiến Tranh, Ngục Tù, Tâm Linh... Thi sĩ cũng từ đó mà bước ra dệt gấm hoa cho đời. Ở tuổi trung niên và cao hơn... Thơ "lừa đời" lại càng xa vời, khó diễn đạt hơn những thể loại khác...khó về cảm hứng, sự rung động, lòng đắm say... để dệt bài thơ hay? Chỉ có thi sĩ mới rung cảm được với cái buồn tha nhân mà hóa thân nhập vai để diễn tả nỗi đau, sự bẽ bàng, giọt nước mắt của tha nhân, đồng điệu buồn tiếng thơ dài, hay vút cao lời hân hoan ca ngợi.

Thơ tình chứa đầy chất lãng mạn, là lời ru tiếng nấc của con tim như dòng suối mát hương

thơm, nâng niu tình yêu, nên đôi khi ý thơ vượt trước thời đại, chối bỏ những ràng buộc luân lý xã hội đương thời còn khép kín. Con người từ khi xuất hiện thi tình lãng mạn cũng phát sinh. Nhà thơ đã thả hồn mình theo trăng sao để gọi về nơi xa xăm ấy một chút tình. Chỉ có nhà thơ mới dám bộc lộ lòng mình. Thi sĩ TTKH để lại bài thơ tình còn lưu trong văn học mà một thời đã gây xôn xao đây bao giấy mực:

*" Từ đây thu rồi thu lại thu  
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.  
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ  
"Người ấy cho nên vẫn hững hờ".  
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,  
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.  
Mà từng thu chết, từng thu chết  
Vẫn dấu trong tâm bóng một người..."*

### **Hai Sắc Hoa Tigôn)**

Dòng lãng mạn hòa với tâm linh khiến hồn thơ chấp cánh bay vào cõi bông phiêu, nơi chỉ còn lại chấm sang của tình yêu. Nương theo Mê Hồn Ca của thi sĩ Đinh Hùng để vào cõi huyền hoặc bằng con tim nồng cháy, như ánh lửa hơ ấm những tâm hồn ở bên kia bờ xa thẳm qua lối thơ Tượng Trưng được trau chuốt, gọt dũa, có nhiều ý hay lạ, nhiều hình ảnh và ngôn từ quái dị, yêu ma :

*"Cười lên em, khóc lên em  
Đâu trăng tình sử nét trần duyên  
Gót sen tố nữ xôn xao đêm huyền.  
Ta đi lạc xứ thần tiên  
Hồn trùng dương hiển bong thuyền u minh  
Ta gởi bài thơ anh linh  
Hỡi người trong mộ có rung mình  
Nắm xương khô lạnh còn ăn í  
Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình.  
hỡi người tuyết trinh, hỡi người tuyết trinh  
Mê em ta thoát than hình  
Nhập hồn cây cỏ đa tình mỗi đêm...."*

### **(Gởi Người Dưới Mộ)**

Ở thuở ban đầu đường tình mới chớm nở nhà thơ xem thơ và người tình đều tri kỷ. Thơ đã giúp cho tình yêu thăng hoa. Nếu hội họa khởi đi từ óc tưởng tượng và do bàn tay khéo léo biết kết hợp

đường nét, màu sắc, ánh sáng và bóng tối để tạo nên bức tranh ấn tượng thì thơ cũng cần có sự tương tượng để tạo nên hình ảnh linh động, trong bài thơ Tương Tư của thi sĩ Nguyễn Sa là một bức tranh ấn tượng mà họa sĩ muốn họa lại nét thơ chắc phải ngừng cọ rất lâu để tìm chất liệu tạo hình:

*“Tôi đã gặp em tự bao giờ  
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya.  
Kể từ gió thổi trong vòm tóc,  
Hay lúc thu về cánh nhạn kia.  
Có phải em mang trên áo bay,  
Một phần gió thổi một phần mây.  
Hay là em gói mây trong áo?  
Rồi thử cho làn áo trắng bay...”*

**(Tương Tư)**

Thi sĩ Thái can qua bài Em Biết Anh Đi:

*“Em biết anh đi chẳng trở về  
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.  
Em đừng quay lại nhìn anh nữa:  
Anh biết em đi chẳng trở về.”*

**(Anh Biết Em Đi)**

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

*Bài thơ hạnh ngộ đã trao tay,  
Ôi mộng nào hơn giấc mộng này?  
Mùi phấn em thơm mùi hạ cũ,  
Nửa như hoài vọng, nửa như say.  
Em đến như mây, chẳng đợi kỳ,  
Hương ngàn gió núi động hàng mi.  
Tâm tư khép mở đôi tà áo,  
Hò hẹn lâu rồi - Em nói đi ...”*

**(Bài ca hạnh ngộ)**

Thi sĩ Huy Cận:

*“...Sợ buồn con nhện giăng mau;  
Em ơi! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.  
Lòng anh mở với quạt này;  
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.  
Ngủ đi em, mộng bình thường!  
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...”*

**(Ngâm ngủ)**

Ở trên đời, nếu chỉ có một loài hoa thì nghệ sĩ sẽ không còn cảm hứng sáng tác về sự nhiệm màu của thiên nhiên? Thơ cũng như hoa muôn màu muôn sắc, tùy theo nhịp đập rung cảm của thi

nhân. Nhà thơ không làm công việc của nhà lý luận, nhà khoa học, nhà thần học hay triết gia... để tìm cái mới lạ trong thế giới hiện hữu, cái huyền bí của vũ trụ...vv..nhưng thi nhân có thể sống với với tôn giáo, luân lý qua tâm linh để phát hiện thêm lẽ đạo của cuộc đời, và sống triết qua thơ. Hồn thơ tựa ánh sao băng, thoáng trên bầu trời từ một hành tinh xa xăm nào đó trong vũ trụ, lạc xuống trần, đọng trên kẽ lá thành những hạt sương mai. Bông ngọn gió vô tình lướt qua lay động cành cây, làm vỡ những viên ngọc trời thành muôn mảnh. Trước khi tan biến nó vẫn đọng được màu sắc rực rỡ của bình minh.

**Đỗ Bình** (Paris 11-01-2011)

**Vài Nét Về Nhà Thơ Đỗ Bình**

Sáng lập viên Hiệp Hội Văn Hóa và Thư Viện Cergy  
Nhóm chủ trương tạp chí Văn học nghệ Thuật:  
Việt Điển

Nhóm chủ trương tạp chí Văn học nghệ  
Thuật:Nguồn

Nhóm chủ trương tạp chí văn học nghệ thuật:  
Hương Xa

Nhóm chủ trương tập tthi tuyển: Một phần Tư  
Thế Kỳ Thi Ca Hải Ngoại.

Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris

Thành Viên Hội Ba Lê Thi Xà

Thành Viên Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn.

Thành Viên Hội nhà Thơ Pháp.

Ban tổ chức:

Ngày Quốc Tế Văn Hóa Symbiose 86.

Ngày Thi Sĩ và Nước Pháp 2000.

triển lãm: Khung Trời VN tại Viện Bảo Tàng  
Nhiếp Ảnh Versailles 87.

Ngày Triển Lãm: Hội Họa Và Điêu Khắc VN,  
tại Paris 2000.

• Những tác Phẩm Đã Xuất Bản:

- |                   |             |
|-------------------|-------------|
| • Buồn Viễn Xứ    | thơ         |
| • Bóng Quê        | thơ         |
| • Mùa Xưa Vỗ Cánh | thơ         |
| • Bạn Tôi         | Truyện Ngắn |
| • Đỉnh Sương Mù   | Truyện Ngắn |
| • Chuột Nhà       | Truyện Ngắn |
| • Cảnh Đời Hư Ảo  | Truyện Ngắn |

- Chặng Đồi Khó Quên           Truyện Ngắn
- Những Mảnh Đồi               Truyện Ngắn
- Vạt Nắng Bên Trời           Truyện Ngắn
- Bướm Hoa                       Truyện Ngắn
- Cô Đơn                          Truyện Ngắn

\* Góp Mặt Các Tuyển Tập:

- Esquisses de L'Âme ( La Bibliothèque Internationale de Poésie)
- Les Poètes Du Dimanche 1,2,3,4
- La Plume de L'Écrivain 1...10
- The Silence of Yesterday (Cội Nguồn)

Có Thơ Trung bày trong cuộc triển lãm do Bộ Văn Hóa Pháp tại Paris 1999.

Những Cánh Hoa Nở Muộn (Người Việt Lưu Vong)

Một Phía Trời Thơ ( Hội Văn Học Nghệ Thuật Thi Đàn Lạc Việt)

Thơ Việt Hải Ngoại ( Hội Văn Học Nghệ Thuật Thi Đàn Lạc Việt)

Vườn Thơ Hải Ngoại (Tủ Sách Phụ Nữ Thời Nay)

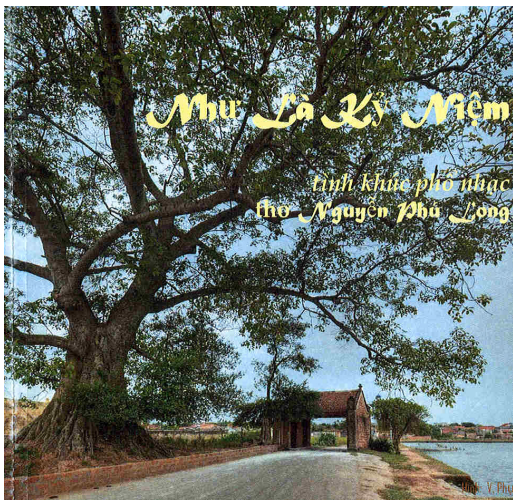
Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca VN Hải Ngoại (Văn Hóa Pháp Việt)

Bút Luận 25 năm Thơ Hải Ngoại ( Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn)

Thi Văn Viên Xứ (Tình Thơ)

Ngoài ra còn có những: Biên Khảo, Tiểu Luận và Bình Thơ, sáng tác nhiều ca khúc.

Cộng Tác với nhiều Tạp chí Văn Học Nghệ thuật Hải Ngoại.

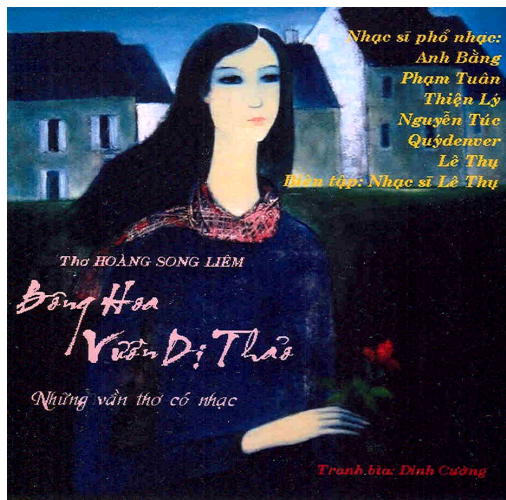


## CD Thơ phổ nhạc **NHƯ LÀ KỶ NIỆM**

Thi sĩ **NGUYỄN PHÚ LONG**

Nhạc sĩ: Nguyễn Ngọc Phương, Nguyễn Anh Minh, Dương Quang Cát, Phạm Vĩnh Sơn.

Ca sĩ: Diệu Hiền, Thụy Long, Tuyết Mai, Phi Hải, Hương Giang, Bảo Yến, Quang Minh, Hồng Mơ, Phi Hải, Quỳnh Lan.



## CD Thơ diễn ngâm và phổ nhạc **BÔNG HOA VƯỜN DỊ THẢO**

Thi sĩ **HOÀNG SONG LIÊM**

Nhạc sĩ: Anh Bằng, Phạm Tuấn, Lê Thụy, Thiện Lý, Nguyễn Túc, Quý Denver. Piano: Irina Bùi, Ca sĩ: Đông Quân, Thăng Long, Thụy Vân, Kim Tuyết, Thành Nguyên, Diễm Phúc, Đông Quân. Diễn ngâm: Đoàn Yên Linh, Hồng Vân, Ngọc Quang,

## XUÂN VỀ

xuân về  
em có hay chưa  
riêng ta  
vẫn cần hạt dưa ơ hồ

xuân về  
em có nghe thơ  
hay là vẫn thế  
vẫn chờ ý xuân

quê hương thì vẫn ngút ngàn  
tình yêu thì vẫn như gần như xa

mỗi năm  
một nhớ người ta  
hai thương quê bụi  
ba là nhớ xưa

xuân về  
lại nhớ bụi mưa  
bay trên mái tóc ngày chưa biết buồn

xuân về  
em nhớ gì hơn  
riêng ta  
vẫn nhớ môi hôn em cong

xuân này  
em nói gì không  
cho ta khóa cửa mùa đông không lời.

## XUÂN BÍCH

Xương

## XUÂN THA HƯƠNG

Nhìn cánh chim bay khuất cuối trời  
Khiến lòng ly khách thấy chơi vơi  
Mơ về quê cũ thêm nhung nhớ  
Nghĩ đến người xưa luống ngậm ngùi,  
Đào thăm mừng Xuân nay vắng bóng  
Pháo vui đón Tết đã xa khơi  
Chập chùng đất lạ mờ nhân ảnh  
Tuyết lạnh bên song lặng lẽ rơi!

## Tâm Minh Ngô Tằng Giao

(Xuân Tân Mão)

## XUÂN XA ĐỜI

Họa  
Khói sương man mác một phương trời  
Nỗi nhớ quê hương chẳng lảng vơi  
Mai nở bên tường vàng luyến tiếc  
Đào khoe ngoài ngõ lạnh bụi ngùi  
Còn đâu tà áo bay đường nắng  
Vẫn đó lời ca vọng biển khơi  
Nghe bước Xuân xa đời mãi mãi  
Lầu khuya buông thả tiếng thơ rơi.

## Nguyễn Thị Ngọc Dung

(Virginia, Xuân 2011)



# ĐÔI MẪU CHUYỆN VỀ BÙI GIÁNG

## Nguyễn Thùy

**A**i đã gần Bùi Giáng ít lâu cũng đều có thể ghi lại đôi sự việc khác thường dần dần được xem như là ‘giai thoại’ trong cuộc sống của ông... Bùi Giáng và tôi quen thân nhau trước tiên do cùng đồng hương xứ Quảng, tiếp theo do thời gian thuê nhà ở sát bên nhau vào những năm 1960-1962 tại một hẻm đường Trương Tấn Bửu, sau này Bùi Giáng thường đến nhà tôi ở Chung cư Minh Mạng Đường Sự Vạn Hạnh, đi đi về về có lúc gần cả hai ba tháng. Có nhiều sự việc lạ kỳ nơi anh nhưng tôi

không nhớ hết, chỉ xin kể đôi việc do chính tôi chứng kiến.

Những người nữ Việt Nam mà anh hay nhắc đến là : Ni cô Trí Hải, Nam Phương Hoàng Hậu và Kim Cương (thỉnh thoảng có Hà Thanh và Thu Trang). Với Nam Phương Hoàng Hậu, anh không có lời nào bông đùa, vô lễ, có lẽ anh quý trọng nét phúc đức hiền hậu, nét thiên hương quốc sắc mà cũng có thể do anh nhớ lời Jésus qua câu nói bí hiểm: ‘*Trong cuộc xét đoán Nữ vương Nam Phương sẽ đứng lên với dòng dõi này mà định tội nó...*’ (Ma :12-42). Thử nghe một đoạn anh nói về Hoàng Hậu Nam Phương : ‘...*Nhưng tại sao từ Cô chỉ Kim, chỉ riêng nhịp bước khoan thai của Nam Phương Hoàng Hậu là nhu mì, kiều diễm mà thôi ? Thậm chí đôi phen Nam Phương Hoàng Hậu vội vàng chạy cuống cuống hấp tấp, thiên hạ nhìn vào vận cử thấy là rất mực kiều diễm du dương? Thế thì? Nếu như Quốc Sắc Thiên Hương có riêng thể lệ ẩn mật của thiên tài thiên hương quốc sắc thì Thiên Tài Thi Nhiên kinh thiên động địa há chẳng chẳng thể nào có riêng thể lệ thiên tài của nó dựng lập lên từ bờm xờm ngón ngang gò đống dâu biển hay sao?*



Bùi Giáng  
Tranh Đinh Cường

Với Ni Cô Trí Hải, thường anh gọi là Mẫu thân và cũng không lời nào xúc phạm vì là một nữ tu và anh xem như là hình ảnh một nhân vật võ hiệp trong tiểu thuyết ‘Tiểu ngạo giang hồ’ của Kim Dung (hình như là Ni cô Nghi Tâm, thì phải).

Riêng với Kim Cương, anh thường gọi là mẫu thân, kỳ nữ, tiên nương, nương tử và hay đùa cợt. Một lần tôi theo anh đi ngang qua nhà Kim Cương nơi Đường Trương Minh Ký, anh đi qua đi lại và la lớn : ‘*Cô Kim Cương có mấy cái... Cô Kim Cương có ba cái...*’; (xin lỗi Cô Kim Cương, có thể Cô quên sự việc này, nhưng tôi thì nhớ). Kim Cương trong nhà bỗng mở cửa gọi lớn: ‘*Anh Giáng, anh lại*

*đây..*’. Anh đang do dự, Kim Cương lại gọi: ‘*Anh đến đây, Kim nói điều này cho nghe..*’.

Anh vừa bước đến, Kim lôi cả anh và tôi vào nhà rồi năn nỉ : ‘*Anh Giáng, Kim van anh, anh đừng nói thể nữa. Anh cứ oang oang như thế, bọn trẻ thấy Kim nơi đâu cũng réo như vậy, Kim chịu sao nổi..*’. Anh xin lỗi, hứa không nói nữa, rồi uống xong hai chén trà, lại ra đi, Kim Cương giữ lại ăn tối, nhất định không chịu. Có lẽ chỉ với Kim Cương, Bùi Giáng mới thượng mến nhất, gần gũi nhất để rồi bông đùa nhiều lúc sảm sỡ. Kim Cương không hề giận anh mà luôn tỏ ra quý mến anh.

Thấy anh nhiều cảm tình và thương mến Kim Cương, một hôm tôi đề nghị: ‘*Cô Kim, hay là cô lấy anh Giáng làm chồng đi. Biết đâu Cô sẽ giúp anh ta bớt khùng và sẽ viết lách đường hoàng, chỉnh chạc, dễ hiểu hơn..*’. Kim Cương bảo: ‘*Không chịu nổi anh đâu, anh Thùy ơ ! Anh sống kỳ cục lắm. Với lại, anh có yêu Kim đâu. Anh chỉ thương mến thôi. Anh xem, anh chỉ ngồi nói chuyện nhiều lắm là 5, 10 phút rồi lại chạy ra đường mua may một hồi rồi mới trở lại, rồi lại tiếp tục như thế. Anh ta không bao giờ ngồi với Kim hay với cô gái nào được lâu*

*đâu. Kim cũng muốn giúp anh Giáng nhiều thứ nhưng anh có nhận đâu. Anh vẫn chừng nào tạt này, thích đi lòng bông, nhảy múa ngoài đường, la hét, chọc lỗ nhỏ...'*

Tôi không rõ, anh để ý Kim Cương có do từ Cô là người nghệ sĩ chịu đựng được thời bông đùa dai dẳng và nhìn anh với con mắt có khác với bao người. Có thể nói Bùi Giáng dành cho Kim Cương nhiều cảm tình nhất và Kim Cương đối với anh cũng thế. Điều Kim Cương nói có thể đúng, Giáng chỉ thương người chứ không yêu ai cả, theo nghĩa mới tình nam nữ. (Kim Cương, lúc nói chuyện, chỉ xưng là Kim không thôi).

Tôi và Kim Cương cũng có nhiều chuyện có thể được xem là 'giai thoại'. Kim Cương là bạn thân của vợ tôi (vợ tôi tên Hạnh). Tôi lạ lùng không hiểu sao Kim Cương lại có thể là cán bộ Công sản được mà lại là cán bộ ngành Công An nữa. Buồn!). Dù sao, suốt cuộc sống tình cảm của Kim Cương, qua bao trắc trở đau thương về tình ái (như Kim kể tôi nghe những lần cô chửi tôi chui vào đồng rác nơi Đường Nguyễn Huỳnh Đức hay tại bờ sông Bến Bạch Đằng) thì Cô cũng vui mừng được một nhà thơ tài hoa Bùi Giáng dành cho rất nhiều kính yêu, đã đem tên cô vào thơ của mình và cô cũng đã đáp lại bằng những tình cảm chân thật, thương mến vô ngần. Cuộc tình - nếu có thể gọi như thế - giữa một tài hoa thơ văn, một 'đười ươi thi sĩ' với một 'kỳ nữ' (người ta hay gọi Kim như thế, đối lại với 'quái kiệt' Trần Văn Trạch) quả cũng là một 'giai thoại văn chương' thú vị.

Ngày anh Giáng và vợ chồng tôi thuê nhà ở sát cạnh nhau, anh còn 'chính chặc' lắm, đi dạy ở các trường Tân Thịnh, Tân Thanh (do Phan Thuyết và Phan Út, người Quảng Nam, có bà con xa gần với anh, làm Hiệu trưởng), anh nuôi cô em đi học. Lúc này, anh viết khảo luận văn học, vẽ tranh và làm thơ. Tranh anh vẽ, chẳng ai hiểu gì, chẳng thuộc một trường phái nào cả, nội dung, theo anh là minh họa các huyền thoại, thần thoại Hy Lạp. Thơ anh lúc này chưa 'kỳ cục' như sau này. Anh thường kéo tôi theo anh vào những lùm cây đường Nguyễn Huỳnh Đức, ngồi hết gốc cây này đến gốc cây khác và anh làm thơ đủ nhiều lúc trời tối mịt, anh vẫn cứ viết trên một cuốn tập nhỏ. Một lần kiến cắn anh, anh phủi tùm lùm cả người, rồi la lên: '*Kiến cắn thơ tao*'.

Một buổi chiều, Nguyễn Đức Quỳnh đến chơi, vợ tôi mời anh qua ăn cơm. Tôi phải đi dạy

tôi, lúc về, vợ tôi thuật lại là anh và Nguyễn Đức Quỳnh cãi nhau thế nào đó, anh quơ tay hất hết cả thức ăn, chén đĩa xuống đất. Hầu như, từ lâu, anh không mấy thiện cảm với các nhà Học giả, các Giáo sư Đại học, các nhà phê bình. Trong '*Con đường Ngã Ba*' (An Tiêm xuất bản, Saigon 1972), Bùi Giáng cho đây là « *những 'đạo thỉnh đồ thuyết' (nghe ngoài đường và nói ngoài đường) là hoạt tình thế của con người mặt hậu. Nó thông minh một cách thô thiển, nó vĩnh tại ở ngoài đường và bị bỏ ăn nói ở ngoài đường để tàn phá mọi ngã ba đường của bước chân đi từ nội tâm nội mật. Nguyễn Bách Khoa là lãnh tụ bọn chùn., Phó lãnh tụ là Đặng Thái Mai. Tổng Thư Ký là Vũ Ngọc Phan.* ». Cũng thế, Bùi Giáng công kích Jean Wahl, giáo sư Đại học Sorbonne, Jean Paul Sartre khi nhà văn, nhà triết học này viết '*Giảng luận về 'Kẻ xa lạ'* (explication de l'Étranger) của Albert Camus, công kích Giáo sư Trần Thái Đình, học giả Phùng Hữu Lan, Thiên sư Daisets Teltars Suzuki,...

Với một số người VN, anh không phẩm bình gì, chẳng nói gì về các nhân vật chính trị Miền Nam cũng như Miền Bắc. Có lần, tôi hỏi anh về Phạm Công Thiển, về Sự Nhất Hạnh, anh chỉ trả lời thoáng qua, đại để: '*Giỏi, thông minh, và... cũng ..mưu đồ*'.

Cái 'điên' của Bùi Giáng thật khó lòng phân tích. Đọc hết các tập thơ, các sách anh viết, nhất là các tập 'Tur Tưởng Hiện Đại' rồi kết hợp với lối sống kỳ cục của anh, tôi có nhìn ra lý do khiến anh 'điên' nhưng xin không nói nơi đây vì thực ra, tôi cũng chưa quả quyết là đúng. Điều rõ ràng nơi anh là tấm lòng thương người của anh, nhất là lớp người già và trẻ nhỏ. Anh là người rất 'căm thù' bạo lực, căm thù thói giả hình, man trá, lật lừng của những kẻ 'trí thức' hương nguyện, trường giả. Tôi có cảm tưởng « *Anh là một Bồ Tát thị hiện giữa 'mặt thế ma cung' nhưng là một 'Bồ Tát bị đọa' vì chưa đoạn diệt được bốn tướng 'Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ già tướng'* ». Không dễ gì hiểu thơ và các sách của Bùi Giáng. Nội anh tư tưởng Phật, Chúa, Không, Lão, Nguyễn Du, Heidegger, Nietzsche cùng của các nhà văn, nhà triết : St Exupéry, André Gide, Gérard de Nerval, René Char, Albert Camus, Simone Weil, Wall Whitman, ... cả thơ Huy Cận thường đi chung với nhau. Anh rất yêu nước, yêu người nhưng hình như anh chưa tìm ra cách thế nào diễn giải thật rõ ràng. Có thể

trích đoạn anh viết bằng Pháp ngữ trong ‘*Lettre à René Char*’ nơi tập Dialogue của Phật Giáo VN Thống Nhất năm 1965 đề thấy được điều này: ‘*Pour nous, la Grèce antique, la Chine ancienne, ... c’est-à-dire le VietNam de toujours, lieu essentiel du dévoilement de l’être à travers le sommeil éthéré de la terre*’ (tôi xin tạm dịch sang tiếng Việt: ‘*Vời chúng tôi, Hy Lạp cổ, Trung Hoa xưa, ... nghĩa là xứ Việt Nam miên viễn, nơi thiết yếu cho Đạo Thể mở phôi, thị hiện qua giấc ngủ mộng寐 khinh thanh của địa cầu*’). Theo anh cho biết, nhà thơ Pháp có trả lời và tôi chỉ nhớ loáng thoáng có đoạn là ‘*L’horloge du Vietnam sonne le Calvaire*’ (Đồng hồ Việt Nam đang điểm giờ lên đỉnh Calvaire). Có lẽ, René Char mượn cái Chết của Chúa Jésus trên Thập Tự giá để ba ngày sau ‘sống lại’, báo biểu cho Bùi Giáng đừng bi quan vì ‘VN sẽ phải trải qua cái thảm họa vô cùng và sẽ ‘sống lại’, sẽ ‘hồi sinh sau cơn thảm họa tuyệt trừ’. Theo Bùi Giáng, thảm họa của đất nước và dân tộc VN nằm chung trong cái ‘*thế nạn nhân hoàn*’ (l’obscurissement du monde) mà M. Heidegger thường nói. Người đương thời khó hiểu được ‘cơn điên’ và lối sống kỳ cục của anh. Các Văn Nghệ sĩ Miền Nam lúc bấy giờ không hiểu được và cũng ít chịu khó tìm hiểu nên xem anh là một ‘hiện tượng’ và không mấy thiện cảm với thơ văn của anh. Chỉ sau khi anh qua đời, người ta mới nhận ra ít nhiều và viết khá nhiều về anh. Hầu như anh cố đi tìm những ẩn ngữ nào đó trong lời Chúa, lời Phật. Bài thơ ‘*Tử Tuyệt bát cú*’ sau đây nói lên những khó khăn, lúng túng của anh khi đi vào những ẩn ngữ đó (bài thơ tôi không nhớ nhan đề):

*Người nằm đó tựa nghìn thu thấp thoáng* (Người là đức Phật)

*Tôi bước qua từ ngữ rụng hai lần  
Tờ sa mạc như bồi phong tây địa  
Trút linh hồn từng như thể nhu thân.*

Anh từng nói với tôi là ông Chúa là kẻ ‘*chịu chơi*’ nhất thế gian. Ông ‘*thi mạng cùi*’ đi vào hiểm họa thế gian để thế gian này ‘sống lại’ nhưng thế gian vẫn chưa chịu sống lại. Lúc bấy giờ, tôi chẳng biết gì về Kinh Thánh Ki-Tô giáo cùng Kinh điển Phật giáo nên chỉ biết nghe anh nói thôi.

Đọc thơ Bùi Giáng, nhất là những bài thơ ‘tếu’, thơ ‘ngông’, thơ ‘đùa’, thơ ‘giỡn’, ta buồn cười nhưng trong đó vẫn ẩn chứa một ‘tình thương vô hạn’ đối với những điều tầm thường,

những lớp người hăm hiu trong xã hội. Ngày tôi qua Úc (năm 2006), gặp cô Bác sĩ Lâm Kim Loan tại nhà người bạn, Ông Trần Thiện Hiếu vốn là nhà thơ có hạng (tôi đã viết bài nhận định về thơ ông bạn này).. Cô Bác sĩ Loan có viết sau tấm ảnh tặng tôi, hai câu: ‘*Nhớ ai bởi cái ‘lạ lùng’, Thương ai ở chỗ ‘không cùng’ người ta*’, ông bạn Trần Thiện Hiếu nói câu trên của Cô Bác sĩ do ông đã đọc cho cô nghe từ hai câu của Bùi Giáng: ‘*Yêu em yêu quá chừng chừng, Bồi em có cái lạ lùng bên trong*’ (tôi chưa đọc được hai câu thơ này nơi tập thơ nào của Bùi Giáng). Bác sĩ Lâm Kim Loan làm thơ ít thội nhưng thơ khá hay, khá sâu sắc. Cô cũng viết đôi truyện ngắn, đôi ‘tạp văn’ cũng khá hấp dẫn, lúc nào cũng đầy ắp yêu thương, yêu thương người, yêu thương vạn vật.

Ngày tôi về ở Chung cư Minh Mạng, sau này, Việt Cộng đổi tên là Ngô Gia Tự), anh thường đến tôi, có lúc ở liền hai tháng, ban ngày ‘thiền hành’ với bộ quần áo ‘cái bang’, đêm về lăn kên ra sàn xi măng ngủ hoặc đọc thơ, nói oang oang những gì khiến người các nhà kế bên không ngủ được. Một lần, anh xách về một con mèo chết, cẩn thận treo nơi sợi giây thép phía sau nhà, tôi dùng để phơi áo quần. Hai ba ngày sau, mùi hôi thối không chịu nổi, tôi nản nỉ mảy, anh cũng không chịu xách quăng đi. Cuối cùng hàng xóm la ó quá, tôi nhân lúc anh đi vắng, xách ném vào đồng rạch; lúc anh về biết rõ sự việc, chỉ lắc đầu nhưng rồi lại bảo: ‘*chú mày làm được lắm*’. Sau 1975, anh không còn làm thơ cũng như không viết lách gì; thường ngồi nơi chân cầu thang chung cư tôi ở, anh có làm ít câu nhưng rồi không tiếp tục và thường trùng với những câu trong các tác phẩm trước. Anh đi vào cuộc điên, nhiều hơn. Những lần ‘*được điên*’, anh vui lắm như được sống trong một thế giới nào khác thường, thật hạnh phúc. Những lần không đi được vào cuộc điên, anh đã dượt, tê liệt, năm suốt cả mấy ngày hay hằng tuần liên tiếp như một lần ở Chùa Long Vân Gò Vấp; mấy thầy trọng Chùa và tôi đến lay anh dậy ăn cơm, anh đều nằm lý, bất động. Lúc đó, đọc thơ hay nói chuyện tư tưởng nào Phật, Chúa, Heidegger, Nietzsche, Nguyễn Du, ..., anh đều khoát tay không nghe và không cho nói. Lúc vào cơn điên, anh chạy không, múa may, chọc ghẹo đủ mọi hạng người từ trẻ con đến ông già, các bà bán hàng, các cô bán thuốc lá. Tôi khổ nhất là phải theo anh, nghe anh ‘chửi bới lung

tung, mượn tôi làm độn kê để chửi thiên hạ, rồi nói tục hết sức tục, bắt tôi phải cúi lạy các cô bán thuốc lá lẹ, bảo đây là thánh nữ, tiên nương, là Quán Thế Âm Bồ Tát,... Anh cứ bảo tôi là bỏ dạy, bỏ hết mọi thứ, theo anh, điên như anh mới thấy vui, mới cứ được đời. Phải nói rằng anh ‘làm khổ’ tôi rất nhiều nhưng không hiểu sao, cứ có anh là tôi lại thấy vui ra, một cái vui không thể phân tích được, một cái vui kín nhiệm, bàng bạc lạ kỳ; vì thế mà tôi chịu khó với anh. Có tôi đi bên anh, anh càng dễ điện hơn, vui hơn và thấy yên ổn hơn. Anh bảo rằng tôi là thầy giáo, hiền lành nên nếu có ai ‘trận thượng’ với anh, tôi can thiệp, người ta sẽ bỏ qua. Nhiều khi, có một cô gái nào đó, mền anh, đi theo anh ‘thiền hành’ dọc đường, anh thấy vui và yên tâm lắm. Cô bồ tôi là HHTV, sinh viên Đại học Sư phạm ban Anh Văn thường theo anh và uống cà phê với anh, quàng vai anh trông giống như một nhân tình, anh thấy vui và thú vị lắm. Năm 1976, lúc cô phải tiếp tục năm học sau cùng, anh thường đến Đại học Vạn Hạnh (Việt Cộng chuyên Đại học Sư phạm về đó), đứng dưới réo to lên: ‘*Cô Thanh Vân ơi! Bộ Tát Thanh Vân ơi! Xuống đây, đưa tôi đi uống cà phê, học làm gì nữa, bọn dốt đó biết gì mà dạy cô. Cô phải dạy chúng nó chứ...*’. Một buổi tối, tôi đi vắng, ở nhà, anh đưa mấy bài thơ tiếng Anh cho cô dịch, anh khen cô thông minh, rồi bảo cô hãy đặt chân lên đầu anh. Cô không dám, anh liền nâng chân cô đặt lên đầu mình rồi lăm nhăm những gì đó.. Sau này, vào các năm 1982, 1983, cô Đ.N.L.H., một giáo viên cấp 3, hình như là cháu Bà Tôn Nữ Hỷ Khương cùng một cô nữa (tôi quên tên) hình như là cháu của Nhà văn Cung Giữ Nguyễn (theo cô bảo) bỗng xách đồ đạc đến ở nhà tôi, một tháng sau cô này bỏ đi, cô Hà còn ở lại những mấy tháng nữa. Bùi Giáng đến, hai cô hoảng quá, nhưng sau đây, thấy Bùi Giáng «*đường hoàng*» nên lại cảm mến. Cô Hà lại chịu khó theo anh ‘thiền hành’ qua các ngã đường’, vào quán cà phê, quàng tay, ôm Bùi Giáng khiến mọi người rất ngạc nhiên. Trong thời gian, Cô Hà ở nhà tôi, Nhà họa kiêm Điêu khắc Phạm Văn Hạng cũng thường đến gặp Bùi Giáng. Có cả Giáo sư Nguyễn Văn Trung đến, nghe cô Hà ngâm thơ nhưng ông Trung không gặp Bùi Giáng. Lại có cả Nhà thơ Trần Đới và sau này thêm Nhà thơ Lê Nhượng Thủy. Có một cô gái trẻ mà anh không biết, không quen, theo anh suốt một tuần trong

các cuộc điên của anh, anh thấy lạ, hỏi tôi: ‘*có phải chúng nó cho cô ta theo dõi tao không?*’.

Còn nhớ trước 1975, Bùi Giáng quen với Huệ Nhật giúp việc cho Hội ‘Đất Lành’ (Terre des hommes) của Đức. Một bà Tiên sĩ người Đức thuộc cơ sở này đến ở ngay nơi nhà Huệ Nhật nơi dưới phía Cầu Tân Thuận. Bùi Giáng rủ tôi cùng đến nhà Huệ Nhật gặp bà đó. Nghĩ rằng Bà này chắc biết nhiều về Triết, về tư tưởng, Bùi Giáng nói huyền thuyên về thơ văn, về Nietzsche, về Heidegger, về Holderlin,... Nhưng Bà ta nào có biết gì về tư tưởng, lại thêm giọng Đức, giọng Anh của Bùi Giáng chẳng ‘ra hồn’ gì mà Bà lại không biết tiếng Pháp nên mặc cho Bùi Giáng nói, Bà chỉ nghe thôi. Nhưng tỏ ra rất chăm chú, rất thích, có lẽ Bà lặng yên nghe để tư Tiềm thức, Vô thức dậy lên những ý tình cao xa nào đó. Nhưng Bà rất kính trọng Bùi Giáng, mỗi lần anh và tôi đến, không có Huệ Nhật thì chính Bà nấu trà và đem bánh ra đãi.

Sau 1975, vào những năm 1982, 1983 gì đó, Huệ Nhật ở chung với Cô Nguyễn Thị Muộn. Hai người lập một quán cơm Xã hội ở một đường vùng Chợ Lớn. Bùi Giáng thường đến. Chính tại quán cơm xã hội này, một buổi chiều mưa, anh Giáng ngồi, mượn tôi chửi đồng thiên hạ cho đến tối mịt. Vừa hết mưa, tôi giục anh về; đến Nhà thờ Ngã Sáu, lại mưa, cả hai chui vào căn lều bằng tấm bạt của một ông già (hình như trốn vùng Kinh tế mới về). Anh lại la to và nói tục, khiến ông già đuổi đi. Cả hai lại đi trong mưa, về đến Chung cư, tôi thay đồ, bật đèn ngồi viết còn anh thì cứ để nguyên áo quần cái bang ướt át, lăn kênh ra sàn nhà, ngủ. Một ít lâu sau, do Huệ Nhật nói sao không biết, thêm đưa học trò cũ của tôi là Phạm Đình Thành, nhà ở Chung cư Ân Quang rủ rê thế nào, giới thiệu anh tiếp xúc với đôi mục sư Tin Lành từ Quận 8 sang nhà Huệ Nhật, anh Giáng lại ngã theo Tin Lành. Các vị Mục sư cũng vui lắm, nhưng Bùi Giáng theo đạo thật vô cùng quí. Nhưng chỉ chừng hơn nửa tháng sau, anh đến tôi với quần áo cái bang như cũ. Tôi hỏi: ‘*Sao, Chứa bỏ anh hay anh bỏ Chúa?*’. Anh trả lời: ‘*Ông Chúa, ông Phật có bỏ ai đâu; tao bỏ các ông. Mà lạ quá, tao khoái các ông, mà theo thì... khó chịu quá. Các ông điên khác tao. Cũng giống như Tô Đông Pha không chịu làm Thiên sư để chỉ làm thơ thôi*’. Anh tiếp xúc nhiều với các tu sĩ Phật giáo, nhờ anh mà tôi được biết các Ngai Huyền Quang (tại Chùa Kim Cương Đường

Trương Tấn Bửu), Thích Minh Châu ở Đại học Vạn Hạnh, Thích Đức Nhuận (tại Đường Phan Thanh Giảng), Sư Viên Minh (chùa Thereveda đường Phan Đình Phùng), các thầy ở Chùa Long Vân Gò Vấp. Anh cũng gặp và nói chuyện với đôi Linh mục, Mục sư. Anh luôn luôn thiện cảm, ca tụng và đề cao nữa nhưng không thể theo một Giáo hội nào. Đối với các Linh Mục, Mục Sư, anh ít đùa nhưng với đôi nhà Sư thì anh thường rất tếu.

Đi với tôi, anh chỉ đọc thơ, nói oang oang những gì đầu đầu, chẳng bao giờ giảng tôi nghe về Phật, Chúa, Không, Trang cũng chẳng giảng gì về Nguyễn Du, Heidegger,... Tôi bảo anh phải nói sao chứ cứ lồi điên điên, khùng khùng ấy, làm sao tôi hiểu. Anh bảo là: *‘Chú mày chỉ nghe, không cần hiểu’*. Anh nói là tôi có cái Tâm tốt, có chút thông minh, và thường nhìn tôi lúc tôi thiu thiu ngủ như muốn tìm xem nơi tôi có nét gì đó mà chưa hiện ra. Sau này, từ 1979, tôi bỗng nhiên làm thơ, viết sách, những gì anh nói lồi phiêu bỗng phiêu hốt đó bỗng nhiên mở hồ đến với tôi và tôi hình dung ra là anh đã gián tiếp ‘giáo dục’ tôi theo lối « giáo ngoại biệt truyền », hay ‘tâm truyền tâm’.

Một nửa tháng, trước khi quyết định vượt biên (cuối năm 1988), tôi ngỡ ý rủ anh. Anh trầm ngâm, không nói gì. Ít hôm sau, anh bảo: *« Tao không đi được. Ở bên này còn có các bà già, bọn trẻ con với bạn bè như chú mày cho tao ăn, chứ qua bên đó, người ta nhốt tao vào nhà thương điên đến rục xương, tao sống sao được »*. Ít hôm sau nữa, anh bảo: *‘Hay là mày đừng đi, ở lại vào cuộc điên với tao. Mày đi, tao buồn đến chết thôi’*. Sau ít ngày, anh lại bảo: *« Mà mày đi cũng được lắm. Mày ở lại chẳng làm được gì. Mày có cái Tâm tốt, bây giờ đã vào đại hải rồi, qua bên đó biết đâu sẽ làm được cái gì »*. Trước ngày tôi đi, tôi gởi tặng anh một bài thơ, anh xem xong, chỉ trầm ngâm, gật gật đầu, không nói lời gì nhưng xem ra anh buồn lắm.

Bùi Giáng là người đức độ lớn. Anh thương tất cả mọi người. Anh nhìn ai cũng như thấy cái tâm hồn thánh nhân và anh muốn khơi động tâm lòng nhân thánh đó qua lối điên khùng của anh. Anh lại rất tin người. Có một kẻ bảo với anh: *‘Anh không biết, chứ bác Hồ trước đây đọc thơ và sách anh, khen anh lắm’*. Anh tin ngay và hí hửng nói với tôi, tôi chỉ cười. Một lần, một người bạn bên Pháp về, bảo anh: *« Brigitte Bardot đi tắm biển, nằm trên ghế xích đu đọc*

*sách anh, thích thú lắm’*. Anh hỏi lại: *‘Cô có biết tiếng Việt đâu mà đọc sách tôi?’*. Người bạn đáp: *‘Cô ta đọc quyển Dialogue trong đó có bài anh viết cho René Char ấy’*. Thế là anh tin và kể với tôi. Đề anh vui, tôi bảo: *‘Có thể lắm’*. Một lần, anh kể với tôi và sau này, hình như anh viết lại trong *« Ngày tháng ngao du »* chuyện sau đây:

*« Một hôm, Brigitte Bardot chạy tới ôm chầm Bùi Giáng rồi bảo:*

*- Anh yêu ơi! Hôm nay em mới rõ là anh yêu em, nhiều, thật nhiều, hơn cả chị Monroe.*

*- Sao cô biết?*

*- Thì đây này. Thư anh viết cho em dở ẹt, còn anh viết cho chị Monroe thì văn hoa, bay bướm không thể tả.*

*- Thư tôi viết cho cô dở ẹt, sao cô bảo tôi yêu cô hơn Monroe?*

*- Anh còn giả vờ nữa. Thư viết dở ẹt thì tình mới thật, mới chân; còn thư viết bay bướm thì chỉ là tán tỉnh chứ tình đâu có thật »*.

Một chuyện giữa anh và tôi. Một hôm vừa chạng vạng, trời mưa lâm râm, anh đến tìm tôi nơi nhà anh Lê Đình Duyên nơi tôi trọ (Lê Đình Duyên lúc này dạy học ở trường Tân Thạnh, sau này làm Đồng lý Văn phòng Bộ Thông Tin, bộ trưởng là Phạm Thái thời Nguyễn Khánh, sau đó làm Dân biểu), đọc mấy câu thơ của Nguyễn Sa:

*- Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay*

*Tóc em anh sẽ bảo là mây*

*Ngày mai hai đứa mình xa cách*

*Anh vẫn được nhìn mây trắng bay.*

(Không rõ tôi nhớ đúng nguyên văn không)

rồi hỏi tôi: *‘Mây thấy hay không?’*. Tôi đáp: *‘Kể ra thơ tình tuổi Sinh viên, học sinh, như thế cũng có thể xem là hay’*. Anh hỏi tiếp: *‘Thế, theo mày, Truyện Kiều có hay không?’*. Tôi bảo: *‘Hay là cái cãng rồi’*. Anh bỗng nổi sùng, mắng tôi: *‘Mày bảo Truyện Kiều hay? Mày phải nói « Truyện Kiều dở như cứt; Truyện Kiều đáng đem chùi đít; như thế Ông Nguyễn Du sẽ cười ha hả, cho rằng trên thế gian có kẻ hậu sinh hiểu ông. Mày mà khen Truyện Kiều là mày làm nhục Ông Nguyễn Du, dưới suối vàng ông không nhắm mắt được đâu’*. Nói xong, anh bỏ đi ngay. Bực mình nhưng tôi nín thinh. Trước nay, đi dạy, tôi giảng Truyện Kiều cũng chỉ theo các sách giáo khoa đã có, chứ chưa đề ý đào sâu. Có lẽ, theo anh, tôi không đủ khả năng hiểu Truyện Kiều. Câu mắng của anh ám

ảnh tôi mãi cho đến năm 1883, tôi bắt đầu viết cuốn ‘*Đoạn trường tân thanh: Tiếng vui trong lời buồn*’ mới phát hiện được những độc đáo thâm sâu của Nguyễn Du và nhận ra rằng ‘*Đoạn trường tân thanh*» là một tác phẩm tư tưởng không riêng của dân tộc ta mà chung cho cả nhân loại.

Có hai ‘giai thoại’ thường được mọi người kể và đã đăng nơi một số báo :

Chuyện thứ nhất như sau: « Một hôm, nơi quán café Huy Tường (một nhà thơ) ở một đường đâm ra đường Hai Bà Trưng Tân Định, anh ngồi uống café ở một góc quán, không mấy ai để ý. Bên trong quán, có nhà thơ Thu Bồn (người Quảng Nam, văn nghệ sĩ Cộng sản) đang nghe cô Thu Ba (có lẽ là cán bộ bạ mười) tán tụng: ‘*Anh là nhà thơ lớn, tất cả đều hâm mộ. Anh vào Nam, tôi nghĩ anh có thể dạy cho người Miền Nam biết làm thơ, chứ lâu nay, thơ ca Miền Nam chẳng ra gì. Có Bùi Giáng chút ít nào đó, nhưng xem ra cũng chẳng đáng giá gì mấy*’. Hình như Bùi Giáng nghe được, lát sau, đứng dậy, khúm núm đến trước hai người, tự giới thiệu và nói: ‘*Thưa Anh, thưa Cô, tôi là Bùi Giáng. Xin lỗi, lúc này, tôi có nghe Cô nói anh là nhà thơ lớn Miền Bắc, không ai sánh kịp. Có có báo là Miền Nam, thơ ca chẳng ra gì. Đùng vậy, tôi cũng thấy như thế. Nếu anh dạy cho người Miền Nam biết làm thơ thì thật là quý hóa. Lúc này, cô có nhã ý nhắc đến thơ tôi, thú thật thơ tôi cũng chẳng đáng gọi là thơ. Nhưng thói quen cứ muốn học đòi làm thơ nên lúc này, ngồi nhâm nhi chút café, có làm được hai câu mà không rõ có phải là thơ không vì đọc lại chẳng có vần có điệu gì cả. Xin Anh và Cô cho phép tôi đọc hai câu đó và xin anh là nhà thơ lớn sửa hộ. Hai câu thơ của tôi thế này:*

Thu Bạ ca ngợi Thu Bồn  
Thu Bồn khoái chí sờ...vai Thu Ba

*Hai câu nghe chẳng ra sao cả. Xin Anh và Cô vui lòng sửa hộ cho ăn vần. Cảm tạ, cảm tạ...*”

Tôi thuật lại chuyện này cho Bùi Giáng tại nhà tôi. Anh chỉ cười. Đây chỉ là câu chuyện tiêu lâm, ai

đó đặt ra chứ sự việc không phải do Bùi Giáng.

Câu chuyện thứ hai là chuyện thật do Bùi Giáng kể lại cho tôi: “Một hôm, trong bộ đồ Cái Bang, gánh hai túi vải đựng lung tung đủ thứ, Giáng đặt gánh nơi góc đường Catinat và Nguyễn Huệ, bên này nhà hàng Đồng Khởi. Thấy một cặp người Liên Xô đang đứng chỉ chỗ gì không biết, Giáng chạy ào tới đưa hai tay như muốn vỗ lấy cặp nhũ hoa người nữ Liên Xô. Cô ta hoảng kinh bỏ chạy; chàng nam Liên Xô, ý hẳn là chồng cô kia, lạ lùng nhưng nhìn lại Giáng, chắc nghĩ Giáng khùng nên không nói gì. Giáng đi lại gánh gánh của mình. Bỗng hai công an đến nắm tay Giáng, bảo: ‘*Ông làm gì kỳ cục vậy? Ông không biết đây là hai bạn Liên Xô hữu nghị của nước ta. Ông làm thế thì người nước ngoài khinh dễ người Việt Nam không lịch sự...*’. Giáng hỏi: ‘*Tôi có làm gì đâu! – Anh chạy xộc tới chụp ngực nữ đồng chí Liên Xô mà còn bảo là không làm gì à?*’. Giáng đáp: ‘*Tôi chỉ muốn xem bình sữa Liên Xô nuôi dân ta được bao lâu thôi mà!*’”

Trên đây là những điều có thật về Bùi Giáng mà tôi được chứng kiến. Tôi kể lại trung thực, không hoa hòe, thêm bớt. Còn một số chuyện nữa nhưng đã quá dài. Có thể phần nào, tôi tự xem là kể ‘chơi chơi’ với con diên của Bùi Giáng nhiều, chịu khổ với con diên của anh cũng nhiều (tôi lãnh anh ra khỏi nhà thương Chợ Quán hai lần và một lần tại

Phường 1 Cảnh Sát Quận 10 ngày 29 tháng 4 năm 1975), chịu nghe anh mắng chửi nhiều nhất và cũng nhận được nơi anh nguồn vui tin lạ kỳ mỗi khi được ở bên anh. Tôi muốn viết một tác phẩm về ‘*Tư tưởng Bùi Giáng*» nhưng chưa có thì giờ và hiện chẳng có một tác phẩm nào của anh. Bài thơ đặc sắc, tiêu biểu và làm cơ sở cho khuynh hướng tư tưởng của anh, theo tôi là bài ‘*Chào Nguyễn Xuân*’, bài thơ đầu trong tập ‘*Mưa Nguồn*’.

(*Còn tiếp*)

**Nguyễn Thủy** (France)



# VĂN THI SĨ HỒ TRƯỜNG AN

Phỏng Vấn

## NHÀ THƠ VIỆT BẰNG

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 53)

15.

**HỒ TRƯỜNG AN:** Cũng xin nói qua Tỉnh Kiến Hòa và Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa và kỷ niệm của anh ở nơi tỉnh ấy.

**VIỆT BẰNG:** Kiến Hòa là một thành phố đẹp, nếu không, chưa chắc gì tôi đi, về thành phố đó gần sáu năm trời. Trong biến cố Mậu Thân 1969, quá nửa thành phố trở thành bình địa, chỉ còn lại Dinh Tỉnh Trưởng, Trường Trung học Tổng Hợp Kiến Hòa, một số trường tiểu học và doanh trại của cửa Sư đoàn 7. Từ đó Kiến Hòa không còn đẹp như xưa, nhưng với tôi những đêm trăng, dưới bóng đèn, cảnh vật Kiến Hòa thật huyền ảo và thơ mộng như Sài Gòn, Paris vậy.

Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa, trông như hai chữ U dính liền nhau, một chữ U dành cho các lớp Đề nhị cấp từ lớp 10 đến lớp 12, tầng trệt có Phòng Hiệu Trưởng, Giám Học, Phòng Hành Chánh và Phòng Giáo Sư. Kiến trúc chữ U kế bên gồm những lớp Đề Nhất Cấp từ lớp 6 đến lớp 9. Trước cửa trường có Hồ Chung Thủy, nước trong xanh, quanh hồ còn sót lại vài cây liễu

khiến tôi nhớ đến Hồ Hoàn Kiếm Hà Nội với những cây liễu rủ ven hồ tạo nên một thắng cảnh của Thủ Đô.

Tôi giảng dạy tại Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa từ tháng 9-1965 đến tháng 5-1970, một thời gian đủ dài để có thể làm dân địa phương Kiến Hòa. Nhưng tôi lại là người *Bohémien*, nên chuyện này không thành sự thật.

Với tôi, kỷ niệm đáng nhớ nhất là một lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Một buổi trưa hạ tuần tháng 4-1966, vào lớp 11B2 cho học sinh làm bài kiểm, tôi ngồi trên bục giảng phê học bạ cho

các em. Bất chợt hai nam sinh trong lớp xé bài của nhau,

giận quá tôi xuống cuối lớp bạt tai hai em. Một tiếng nổ chát chúa bên ngoài cửa lớp, bụi bay mù mịt. Những miếng gang sắc cạnh của đạn bích kích pháo 82 ly ghim đầy bàn giáo sư và đàn sập cửa sổ gần đó. Hai em nam sinh vừa bị bạt tai, bật tung lên như lo so và cùng nói “Chúng em đã cứu mạng thầy rồi”. Tôi mỉm cười từ tốn và cảm ơn các em.

16.

**HỒ TRƯỜNG AN:** Hồi còn ở trong nước, hoạt động văn chương và báo chí của anh ra



Nhà Thơ Việt Bằng

sao? Tạp san hay nhật báo nào mà anh cộng tác. Xin nói qua những kỷ niệm của anh trong thời gian anh cộng tác với các tờ báo ấy.

VIỆT BẰNG: Khi còn là sinh viên thuần túy tôi cộng tác với đặc san *Văn Khoa* của sinh viên Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và nội san của một số phân khoa khác như Luật Khoa và Khoa Học, tôi cũng thường đăng thơ trong Tạp Chí Văn Nghệ Tiền Phong. Khi vào ngành giáo dục, thỉnh thoảng tôi gửi một bài biên khảo về giáo dục cho nguyệt san Giáo Dục của Bộ Giáo Dục.

Những kỷ niệm về viết báo, làm thơ cũng khá nhiều, nhưng với thời gian chúng trở nên mờ nhạt dần tuy nhiên có một kỷ niệm vẫn còn rõ nét trong trí nhớ tôi. Khi đăng bài thơ "Con Trâu" trên tạp chí *Xây Dựng*, trực thuộc Phủ Tổng Thống, tôi nhận được thư của Cô Hoàng Minh Châu, con gái Chủ nhiệm và là thư ký tòa soạn. Trong thư cô cho rằng hai câu thơ:

*Người ơi! mạnh sức cày sâu nhé!*

*Ta vẫn thừa hơi kéo trọt ngày...*

(Việt Bằng)

tuy "nhân cách hóa" con trâu bằng chữ ta nhưng thực ra có ý nói bóng nói gió Hoàng Minh Châu, rõ ràng là một ẩn dụ thâm độc". Cô yêu cầu tôi đến tòa soạn *Xây Dựng* để gặp cô càng sớm càng tốt, nếu tôi là người lịch sự. Trong thư trả lời tôi nhấn mạnh không có thì giờ gặp tại tòa soạn, tuy nhiên có thể gặp cô tại thư viện Văn Khoa tại bàn kế bên cửa sổ thứ nhất, vào mỗi ngày thứ hai từ 10 tới 12 giờ, tôi sẽ mang theo cuốn *L'Homme révolté* của Albert Camus và cô sẽ cầm ở tay khăn đỏ để dễ nhận ra nhau. Thứ hai, đúng giờ hẹn, tôi ngồi đọc sách tại Thư Viện Văn Khoa, có ý chờ cô gái cầm khăn đỏ. Sau một giờ chờ đợi, tôi bỏ cuốn sách sang bên cạnh làm như không phải của mình. Ngay khi ấy, Bích Liên, người

bạn cùng lớp, cầm khăn xanh đi qua đi lại hai, ba lần. Thứ hai những tuần kế tiếp, tôi không cầm sách và ngồi đúng chỗ hẹn nữa. Từ ấy, tôi đã quên đi chuyện Cô Hoàng Minh Châu.

Trong buổi ra mắt Ban Điều Hành Hội Ái Hữu Thái Bình tại San Jose, ngày 08-06-2005, nhà văn kiêm MC Hoàng Minh Châu cầm giấy, giới thiệu từng quan khách tham dự, đọc đến tên Việt Bằng, tôi đứng dậy chào mọi người, MC Hoàng Minh Châu khựng lại một chút và tiếp tục giới thiệu những quan khách khác. Trong buổi tiệc, cô MC đến ngồi bên tôi và nói: "Phải mất hơn 50 năm, anh và em mới biết bút hiệu của nhau. Nếu ngày ấy Bích Liên cầm khăn đỏ thay vì xanh để gặp anh, có lẽ Bích Liên và anh đã ở trong một tương quan thân thiết hơn nhiều".

## 17.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh biết làm thơ hồi mấy tuổi? Động cơ nào thúc đẩy anh vào lãnh vực văn chương? Ai đã hướng dẫn và khuyến khích anh?

VIỆT BẰNG: Trước năm 14, tôi hoàn toàn không chú ý đến văn chương mà chỉ mê đá bóng ở sân trường. Mẹ tôi than phiền tôi không chịu học sinh ngữ. Mùa Hè năm 1950 chị Hoàng Thi, 20 tuổi, sinh viên Y Khoa Đại học Hà Nội, đến thăm thăm gia đình và nhận kèm Anh, Pháp cho tôi trong dịp hè năm ấy. Một căn phòng trên lầu được dọn dẹp sạch sẽ để làm phòng dạy học cho cô giáo mới. Những lúc tạm nghỉ, chị hát những bản nhạc Pháp thời danh và ngâm thơ Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương cho tôi nghe. Khi tôi đã quen với không khí văn nghệ, chị dạy tôi luật thơ mới từ luật thơ Pháp. Chỉ sau hai tuần, dường như chị đã thân với tôi lắm. Mỗi tuần chị viết và trao tay cho tôi một thư bằng tiếng Pháp, ngoài phong bì đề: *A Viet Bang, mon gentil élève,*



*mon cher petit amour...* Mỗi tuần tôi cũng phải viết những cảm nghĩ của tôi về chị. Có những tuần mãi chơi với bạn bè, trong thư tôi chỉ viết vài chữ: *Je vous aime*. Xem xong chị đến bên tôi hôn môi khá lâu và gọi nụ hôn đó là *French kiss*. Buổi học cuối cùng chị đưa tôi về nhà chị ở 28 Đường Cầu Gỗ, Hà Nội và hẹn Thứ Bảy, Chủ Nhật tôi phải đến thăm, dùng cơm với chị và ở lại cả buổi nếu là thứ bảy và cả ngày Chủ Nhật. Từ đó, những ngày cuối tuần tôi đến với chị, chị đưa tôi về Quảng Bá, Nghi Tàm, nơi chị sinh trưởng, phía bên kia Hồ Tây hay dẫn tôi vào các tiệm vải Phố Hàng Đào chọn màu áo dài cho chị. Mỗi khi đi phố, tôi rất vui khi chị mặc những màu áo tôi đã chọn. Một hôm, chị Hiền, bạn cùng lớp của chị nói với tôi: “Viết Bằng quê thế, chọn cho Thi màu đỏ boọc-đỏ, màu vàng bệnh hoạn và màu xanh công nhân, chọn màu áo kiểu ấy làm giảm đi nét đẹp của Thi”. Qua lời chê của chị Hiền, tôi mới biết mình còn là trẻ con, chưa biết chọn màu.

Chỉ sau một năm gần chị, từ một học sinh giỏi Toán và Khoa học, tôi trở thành một học sinh khá sinh ngữ có khuynh hướng văn chương. Từ tuổi 15, tôi được bầu Trưởng Ban Báo Chí của lớp 8, Trường Trung Học Nguyễn Trãi và bắt đầu viết truyện ngắn và thơ cho mục Văn Nghệ các nhật báo Tia Sáng và Giang Sơn ở Hà Nội năm đó.

### 18.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh làm thơ tình yêu, nhưng dưới những câu thơ âu yếm đó, anh có nêu ra một vài vấn đề thâm thúy và to tát hơn. Anh nghĩ gì về ẩn dụ (*parabole/métaphore*) trong thi ca nói riêng, trong văn chương nói chung?

VIỆT BẰNG: Ẩn dụ là một trong những kỹ thuật dùng trong thi ca và truyện ngắn nói riêng, trong văn chương nói chung. Nói đơn

giản, ẩn dụ là cách dùng từ để ám chỉ một ý nghĩa nào đó khác với nghĩa đen của từ mà vẫn có tương quan với chữ nó thay thế. Thay vì nói đêm qua tôi đọc một cuốn sách, tôi lại nói đêm qua tôi cày một cuốn sách. Chữ cày có nghĩa ẩn dụ nói lên một nghĩa khác hơn (đọc vất vả với nhiều nỗ lực hơn). Như trong câu thơ: *Một giọt nước đã xô nghiêng một đời con gái*. (Việt Bằng, *Giã từ Huyền Thoại*). Giọt nước là ẩn dụ khi đã được dục tính hóa.

Qua truyện ngắn “Bức Tường”, (*Le Mur*) của J.P. Sartre, ta có thể tìm ra một ẩn dụ sâu sắc: Bức tường là một cấu trúc do xã hội tạo ra. Trước bức tường, các tù nhân xếp hàng và đợi xử bắn. Bức tường không những là một công trình xây cất mà còn là một ẩn dụ (*métaphore*) về một nơi mà sự sống con người bị hủy diệt.

Trong thơ cổ điển, Hồ Xuân Hương, nhà thơ ẩn dụ đã viết:

*Vành ra ba góc da còn thiếu  
Khếp lại đôi bên thịt vẫn thừa.  
Chơi xuân có biết Xuân chẳng tá*

*Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.*

(*Vịnh Cái Quạt, Đánh Đu*)

Những chữ: ba góc, lỗ, và cọc có nghĩa ẩn dụ ám chỉ cơ quan sinh dục nữ và nam.

### 19.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi sáng tác một bài thơ anh có dàn dựng ý tưởng trước hay anh để cho cảm hứng đưa đẩy dòng thơ anh?

VIỆT BẰNG: Trước khi sáng tác một bài thơ hay truyện ngắn tôi thường phác thảo những ý tưởng trên một tờ giấy, tìm những tương quan thích hợp với chủ đề qua những yếu tố thời gian, không gian, nơi chốn, với thơ quan trọng nhất là hình ảnh. Qua phác thảo, tôi đọc kỹ lại bài thơ vừa viết, sau đó dùng một

số kỹ thuật thơ như điệp ngữ, nhân cách hóa và ẩn dụ ở từ nào, câu nào thích hợp để câu thơ trở nên óng mượt hơn.

Điệp Ngữ:

*Sương nơi ấy như triển mây trắng đặc,  
Tôi vẫn chờ em trắng một bến sương.*

(Việt Bằng, “*Nơi Một Thủa Mùa Xuân Còn Ở Đó*”, trong thi tập *Hình Ảnh Trôi Đi*)

Câu thơ này có hai điệp ngữ - chữ *Sương* và chữ *Trắng* được lặp lại hai lần.

Nhân Cách Hóa:

*Tôi về bến cũ,*

*Nghe sóng gọi thuyền nhân*

(Việt Bằng, “*Tháng Sáu*”, trong thi tập *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*)

Chủ từ *Sóng* được nhân cách hóa bằng động từ “*gọi*”.

*Em đi, dãy núi nhìn ngậy ngát*

*Đá cũng tình si nhớ gót son.*

(Đình Hùng)

Trong câu này, chủ từ *Núi* và *Đá* được nhân cách hóa bằng động từ *nhìn* và *tình si*

Ẩn Dụ:

*Mùa Xuân tràn vào khung cửa hẹp*

*Em dục tôi,*

*lên đỉnh ngọn đồi.*

(Việt Bằng, “*Giã Từ Huyền Thoại*” trong thi tập *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*)

Đỉnh ngọn đồi là một ẩn dụ gợi lên một hình tượng khác mà tác giả muốn gợi ý hay ám chỉ.

## 20.

HỒ TRƯỜNG AN: Những bóng hồng trong thi ca anh có bao nhiêu thực chất, có bao nhiêu giả tưởng?

VIỆT BẰNG: Theo xu hướng hiện thực, phải có “*đối tượng*” bằng xương bằng thịt, tôi mới viết được dù là thơ hay truyện ngắn. Thi dụ mô tả một cô gái Miền Bắc, khác với cô gái Miền Trung, Miền Nam., một cô gái nông thôn khác với cô gái thành thị và càng khác với cô gái sống ở hải ngoại.

Qua phác thảo thơ, tôi phân tích từng đặc điểm của thân xác, từng nét đẹp tinh thần và tìm chi tiết liên quan tới nơi chốn, thời gian, không gian và tình huống đặc biệt mà một đối tượng này không thể giống với đối tượng khác. Chỉ khi đã hoàn tất bản Phác thảo, tôi mới chọn thể loại thơ thích hợp để viết. Với thơ tự do, hình ảnh, từ khúc và kỹ thuật thơ đóng vai trò quan trọng trong một bài thơ.

Trong thơ, không phải mỗi tình nào cũng đẹp, ngang trái có nét đẹp của ngang trái, muốn đưa một bài thơ lên đỉnh cao đôi khi tôi dùng “*hư cấu*” / “*giả tưởng*” để điều mô tả thêm mùi mẫn và lâm ly. Trong mỗi bài thơ đạt tiêu chuẩn, tôi thường viết 75% hiện thực và 25% hư cấu.

## 21.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh nghĩ gì về văn học dịch thuật Miền Nam từ 1955-1975?

VIỆT BẰNG: Thời tôi còn là sinh viên thuần túy (1957-1961), có nhiều thì giờ đọc sách, số đầu sách dịch thuật những năm ấy lại rất hiếm hoi. Hầu hết những sách, truyện viết bằng tiếng Pháp mà tôi đọc đều liên quan đến giảng khóa, ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Nếu tôi không lầm, năm 1958 chỉ có Nguyễn Vũ dịch cuốn *Bonjour tristesse* của Françoise Sagan dưới nhan đề tiếng Việt: *Buồn Ôi Xin Chào*.

Sau năm 1961, tôi đi vào ngành giáo dục, rất bận công tác giảng dạy, 32 giờ một tuần

gồm 16 giờ trường công và 16 giờ trường tư. Vì vậy không còn bao nhiêu thì giờ đọc sách để có một cái nhìn chính xác về văn học dịch thuật Miền Nam.

Sau năm 1970, Phạm Công Thiện dịch *Triết Lý Là Gì* của Heidegger và *Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng – The First and Last Freedom* của Krishnamurti; Trần Phong Giao dịch *Guồng Máy – L'Engrenage* và *Sự đã rồi – Les jeux sont faits* của J.P.Sartre; Thích Nhất Hạnh dịch và phổ biến *Triết Học Thiền – The Philosophy of Zen* của Dr. Suzuki, Viện Triết Học Tokyo.

Tháng 6 năm 1972, tham dự buổi dạ tiệc của Hội Ái Hữu Viện Quốc Gia Hành Chánh, cô Lê Thị Thục, sinh viên mới tốt nghiệp giới thiệu tôi với Tôn Nữ Phùng Khánh, một dịch giả nổi tiếng thời đó và cũng là giảng sư Viện Quốc Gia Hành Chánh, mới từ Mỹ về nước năm ấy. Lần khác tôi thăm cô tại phòng làm việc, người cho tôi hai cuốn *Đôi Bạn Chân Tình* và *Câu Chuyện của Dòng Sông* dịch từ bản tiếng Anh của Hermann Hesse. Theo tôi biết, cô là tác giả của mười truyện dịch, trong đó có những cuốn: *Bắt Trẻ Đồng Xanh*, bản tiếng Anh của Salinger - *Tặng Thư Sống Chết*, dịch từ cuốn Tibetan Book *Of Living And Dying* của Soyol Rin Poche ...

Từ 1974, Tôn Nữ Phùng Khánh trở thành Thích Nữ Trí Hải. Năm 2002, tôi đến Già Lam thăm cô, người rất bình an và rất Đại Thừa nhưng chỉ một năm sau, người đã qua đời trong một tai nạn xe hơi ở Sài Gòn.

Ngoài ra, truyện dịch từ những tác phẩm Trung Quốc của Hàn Giang Nhạn, Liêu Quốc Nhĩ, Kim Dung và Quỳnh Dao, nhiều vô kể đến nỗi tôi không nhớ hết.

Tóm lại trong 20 năm từ 1955-1975, văn học dịch thuật Miền Nam đã có những đóng góp

đáng kể nhưng không đồng bộ. Có những trào lưu tư tưởng không được giới thiệu hay giới thiệu rất ít trong khi những truyện của các tác giả Trung Quốc được xuất bản với số lượng lớn với mục đích thương mại.

## 22.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cho biết nhận xét của anh về thi ca ở Miền Nam Việt Nam từ thuở di cư cho tới ngày chung cuộc của phân nửa đất nước còn lại của chúng ta, tức là từ Bến Hải cho tới Mũi Cà Mau?

VIỆT BẮNG: Thi ca ở Miền Nam Việt Nam thời này rất phong phú, Ngoài những nhà thơ nổi tiếng như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, còn những nhà thơ mới nhập cuộc như Nguyên Sa, Quách Thoại, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Hà Huyền Chi.

Thi ca ở Miền Nam từ 1955-1975 đã đạt được những tiến bộ khác hẳn với thời trước đó. Điều này chứng tỏ sự có mặt của các nhà thơ sau 1955 đã đẩy các nhà thơ cũ vào bóng tối. Từ đó, những Đông Hồ, Tương Phố, Quách Tấn, không còn được mấy ai nhắc đến.

## 23.

HỒ TRƯỜNG AN: Trong thi ca tự cổ chí kim, từ Nam chí Bắc, những nhà thơ Việt Nam nào mà anh thích nhất? Lý do. Những nhà văn nào mà anh thích nhất? Lý do.

VIỆT BẮNG: Có lẽ tôi chịu ảnh hưởng của thi văn lãng mạn Pháp Thế Kỷ XIX với Alphonse de Lamartine, Alfred de Musset, François René de Chateaubriand, Arthur Rimbaud và Paul Verlaine... Tôi rất thích thi văn lãng mạn nói chung và thi ca lãng mạn Việt Nam thời tiền chiến, nói riêng. Theo tôi, chỉ có thơ lãng mạn trữ tình mới là một tổng hợp tuyệt đỉnh của thơ mà thơ lại là tuyệt đỉnh

của ngôn ngữ loài người và chỉ trong Tình yêu, con người mới mang tính nhân bản.

Cho dù đã hơn 50 năm, tôi không thể nào quên những vần thơ lãng mạn, trữ tình này:

*Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy,  
Ngàn năm chửa dễ đã ai quên.*  
(Thế Lữ)

*Mắt em là một dòng sông  
Thuyền tôi bơi lặng trong dòng mắt em.*  
(Lưu Trọng Lư)

*Anh sẽ trăm luân ngàn kiếp nhớ,  
Cho dầu ngày mai em lãng quên.*  
(Vũ Hoàng Chương)

Về truyện, tôi ưa thích *Số Đỏ, Vỡ Đê, Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng và những truyện về tập quán phong tục Miền Nam của Hồ Biểu Chánh và Hồ Trường An với *Lúa Tiều Ruộng Biển, Bãi Gió Cồn Trảng, Bóng đèn Tà Nguyệt...* Truyện *Số Đỏ* đề cập đến sự xung đột giữa người già và người trẻ, hay nói cách khác giữa phái "cũ" và phái "mới" trong xã hội thời đó, vào những năm giữa hai cuộc Thế chiến..

#### 24.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết tình trạng và sinh hoạt văn chương ở hải ngoại nói chung, ở Bắc Cali nói riêng.

VIỆT BÀNG: Thoạt nhìn trên bề mặt, sinh hoạt văn chương hải ngoại có vẻ phong phú, nếu nhìn sâu hơn, đó là một sự phát triển hỗn độn của một khu rừng hoang nhiệt đới hay của những tế bào ung thư, không có giá trị bao nhiêu để đi vào Văn học sử hay để lưu truyền cho đời sau. Người phê phán với dụng ý chính trị không phải là người làm văn học.

Theo nhà biên khảo Võ Đức Trung trong *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại*, Văn Hóa Pháp Việt Paris xuất bản năm 2004, hải ngoại có đến hàng chục ngàn thi sĩ nhưng số người thành danh chỉ độ vài trăm. Vượt lên khu rừng hoang này mới là sinh hoạt văn chương hải ngoại đích thực của những nhà thơ, nhà văn chân chính, độc lập, không trong một tổ chức Văn học nào.

Trong một tương lai gần, sinh hoạt văn chương hải ngoại nói chung, ở Bắc Cali nói riêng sẽ đi tới một tình trạng nan giải: văn học hải ngoại tự nó có thể tồn tại như một thực thể độc lập riêng rẽ hay buộc phải hội nhập với dòng chính (*mainstream*) của văn học mỹ, nếu không muốn trở về với Cội Nguồn.

Người Trung Hoa đã đến Mỹ ngay từ thời kỳ lập quốc của Hoa Kỳ, trước di dân người Việt hơn hai trăm năm, cũng không tránh được sự hội nhập dòng chính. Những nhà văn nổi tiếng của văn học hải ngoại Trung Quốc như Amy Tan hay Maxine Hongkingston ngày nay viết văn, làm thơ bằng tiếng Anh như người Mỹ, họ cũng không thể trở về nước vì văn học Trung Quốc nội địa không dành cho họ một chỗ đứng.

#### 25.

HỒ TRƯỜNG AN: Những văn nghệ sĩ nào mà anh thân nhất?

VIỆT BÀNG: Trước năm 2000, tôi chỉ sinh hoạt với một nhóm nhỏ giáo chức bạn bè. Thế giới văn nghệ sĩ dường như hoàn toàn xa lạ với tôi. Nhưng từ tháng 5-2001, khi tôi ra mắt thi phẩm *Anh Mắt Tình Nhân* tại San Jose và Westminster, nếp sinh hoạt của tôi đã thay đổi hẳn và đã quay một góc 180 độ.

Trong một buổi tiệc tại nhà người bạn ở Fountain Valley, Orange County, cũng vào tháng 5/2001, qua Giáo Sư Nguyễn Đình

Cường, tôi quen Nhà Thơ Trần Văn Lệ. Vài tháng sau, tại San Jose, qua Trần Văn Lệ, tôi biết Nhà Thơ Dương Huệ Anh. Nhà thơ lão thành này mời tôi tham dự sinh hoạt của Thi Đàn Lạc Việt, trong đó có các Nhà Thơ Hà Thượng Nhân, Đông Anh, Huệ Thu, Nhà Văn Diệu Tần, các Nhà Biên Khảo Đặng Cao Nguyên, Đào Đức Chương, các Nhạc Sĩ Phạm Đức Huyền, Linh Phương v.v.

Cuối tháng 6-2001, tôi tham dự Hội Chợ Sách Westminster, do sự sắp xếp của Ban tổ chức, Nhà Văn Bác Sĩ Lê Phương Thúy, Nhà Thơ Sương Mai và tôi ngồi cùng một bàn. Hội Chợ Sách kéo dài ba ngày, chúng tôi trở nên thân hơn, nhờ nhau trông giùm sách trưng bày để đi ăn sáng, ăn trưa hay thăm bạn bè trong giây lát. Trong mấy ngày đó, các Nhà Thơ Trần Mộng Tú, Hà Huyền Chi thường ghé bàn chúng tôi nói chuyện hay thảo luận về một số vấn đề văn nghệ.

Trong buổi ra mắt Tuyển tập *Vườn Thơ Hải Ngoại* của Diễm Châu, Chủ nhiệm tạp chí Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại, tôi quen biết Nhà Thơ Ngô Tịnh Yên, các Nhà Văn Bùi Trọng Hợp, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hải Bằng HDB và Chu Kim Oanh, Chủ nhiệm tạp chí Rạng Đông, Phoenix, Arizona.

Qua Website [www.vietbang.com](http://www.vietbang.com), tôi được biết một số các văn nghệ sĩ khác như Nhà Biên Khảo Võ Đức Trung, nhóm Văn Hóa Pháp Việt, Paris và các Nhà Văn, Nhà Thơ Hồ Trường An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lưu Nguyễn Đạt, Trần Bích San, Vi Khuê, Kim Vũ... Ngày nay, qua giao tiếp tôi được hân hạnh quen biết và cộng tác với khoảng trên 70 văn nghệ sĩ đa số là bạn rất chí tình, nhưng người thường có mặt bên tôi trong mọi lúc, mọi tình huống vẫn là nhà thơ lão thành Dương Huệ Anh.

## 26.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết động cơ nào, lý do nào mà anh hình thành hai thi tập *Ánh Mắt Tình Nhân* và *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*?

VIỆT BẰNG: Lúc đầu tôi làm thơ như một thú vui để giải trí chứ không có động cơ nào thúc đẩy, với thời gian, thơ càng ngày càng nhiều, bạn bè khuyên nên in thành tập kéo thất lạc hết.

*Ánh Mắt Tình Nhân* là thi phẩm đầu tay, viết khi tôi còn là sinh viên thuần túy từ 1957 tới 1961, tại Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Sau thêm một vài bài thơ viết trước và sau 30-4-1975.

*Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học* là thi phẩm thứ hai viết từ 1994 tới 1997, khi tôi còn học ở San Jose State University cho đến lúc tốt nghiệp B.A Liberal Studies tại trường đại học này vào Tháng 5-1997.

Từ năm 2001, tôi sinh hoạt với nhiều nhóm văn nghệ sĩ, người cho hình bìa, người cho phụ bản, các Nhạc Sĩ Phạm Đức Huyền, Linh Phương...phổ nhạc dùm tôi khoảng 12 bài thơ. Ngoài ra Chu Kim Oanh, Chủ nhiệm tạp chí Rạng Đông, Phoenix, Arizona, Diễm Châu, Chủ Nhiệm tạp chí Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại, Sương Mai và Cao My Nhân là những người bạn thúc dục tôi ấn hành hai thi phẩm kể trên.

## 27.

HỒ TRƯỜNG AN: Còn văn xuôi ở Miền Nam trước 1975 và văn xuôi ở hải ngoại, anh có những nhận xét gì?

VIỆT BẰNG: Văn xuôi Miền Nam trước năm 1975 khá đa dạng, Giai đoạn 1955-1960 là mốc mới cho sự nghiên cứu văn xuôi. Với sự ra đời của nhóm Sáng Tạo năm 1956, sinh hoạt văn học dường như thay đổi hẳn. Văn Hóa

ngày Nay của Nhà Văn Nhất Linh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn cũng góp mặt vào thời gian này nhưng chỉ sau vài số phải đình bản vì không có độc giả. Điều này chứng tỏ tâm lý độc giả đã thay đổi - xa lìa cái cũ và ưa chuộng cái mới.

Trong thập niên 1960 Chủ Nghĩa Hiện Sinh tác động nhiều nhất vào văn học Miền Nam, những tác phẩm của J.P. Sartre, A. Camus và Françoise Sagan tràn ngập các tiệm sách ở Sài Gòn đã làm phát triển một phong trào dịch thuật những tác phẩm của những tác giả này. Vào giai đoạn này, những tác phẩm của Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Lê Hằng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, dường như phảng phất chút gì của văn học Hiện Sinh nước ngoài. Những nhà văn nữ còn đi xa hơn và thành công hơn những nhà văn nam đương thời trong sự miêu tả nếp sống buông thả, nghiêng về hành vi dục tính của thanh niên nam nữ thời đó.

văn xuôi hải ngoại có nhiều truyện ngắn, nhưng ít tiểu thuyết khác hẳn với thời Tự Lực Văn Đoàn và Vũ Trọng Phụng. Người viết thường thiên về "kể" hay "tả", những hình thức sơ đẳng, không mấy người dùng đến "suy diễn" hay "nghĩ" liên quan đến chiều sâu của một nền văn hóa, triết học mà tôi nghĩ người viết cần trau dồi.

Nếu trong truyện tình ngày trước, tình yêu được lý tưởng hóa bằng nhớ thương, ngày nay trong văn chương hải ngoại, tình yêu được tính dục hóa, không còn héo hon, mong đợi, trông chờ mà hưng phấn, tham lam, vội vàng trong hưởng thụ. Rõ ràng lãng mạn thân xác đã thay thế cho lãng mạn tinh thần.

Tình dục là chủ đề chính

trong truyện *Mùi Hương Quế* của Dương Như Nguyệt, *Áo Đàng* của Mai Ninh, *Âm Vọng* của Lê Thị Thắm Vân. Cả ba đều là những nhà văn khoa bảng nữ được độc giả ưa chuộng.

## 28.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh có thích văn chương và thi ca ngoại quốc không? Nếu có, anh thích những tác giả nào (về văn cũng như về thơ) nhất? Lý do.

VIỆT BÀNG: Năm 1961, do môn học tôi lựa chọn ở Đại học, cần phải đọc sách nước ngoài nhiều, lâu dần thành một thói quen trước khi là một thú vui. Vì vậy tôi rất thích Văn Chương Ngoại Quốc. Nền tảng của Văn Chương là tư tưởng Triết học nhất là với văn học hiện sinh.

Nếu muốn hiểu J.P. Sartre, tôi không thể không đọc ba cuốn *L'Être et le Néant (Hữu Thể và Hư Vô, 1943)*, *L'Existentialisme est un humanisme (Hiện sinh là một Nhân bản, 1946)*, *Critique de la raison dialectique (Phê bình Biện Chứng Pháp, 1960)*.

Qua mùa thi, tới Hè, tôi tìm hiểu thêm một số tiểu thuyết và truyện ngắn của J.P. Sartre như *La Nausée (Buồn Nôn, 1938)*, *Le Mur (Bức Tường, 1939)* và *Morts sans sépulture (Không một nấm mồ, 1946)*. Ngoài ra tôi cũng đọc sách của những tác giả phê bình J.P. Sartre như R. Campbell qua *J.P. Sartre ou une Littérature philosophique (J.P. Sartre hay Văn chương triết học, 1945)*, Francis Jeanson qua *Le Problème moral et la pensée de Sartre (Vấn đề Đạo đức trong tư tưởng Sartre, 1947)*.

Tuy đọc J.P. Sartre khá



Nhà Văn  
Hồ Trường An

nhieu và cũng thích Sartre nhưng tôi lại ưa A. Camus hơn: những truyện *L'étranger* (*Kẻ Lạ Mặt*, 1942), *Le Mythe de Sisyphe* (*Huyền thoại Sisyphe*, 1942), *La Peste* (*Dịch Hạch*, 1947) đã thu hút tâm hồn tôi ngay từ những trang đầu, nhất là cuốn *L'Étranger*.

Văn chương triết học Hiện Sinh không những sưởi nguồn cho những sáng tác văn học mà còn ảnh hưởng nhiều đến các ngành nghệ thuật khác như điêu khắc và hội họa nữa. Tôi thích văn chương triết học Hiện Sinh vì nó phù hợp với sự suy diễn và quan niệm Mỹ học của tôi.

Từ lúc đắm mình vào dòng Hiện Sinh, tôi không còn nhiều thời gian để đọc thơ Hậu Hiện Đại, vì vậy không dám đưa ra những nhận xét chủ quan.

**29.**

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết dự định của anh về văn chương trong tương lai.

VIỆT BẰNG: Tôi dự định xuất bản một tập truyện gồm 15 truyện ngắn khoảng 250 tới 300 trang, nhan đề *Áo Em Hồng Bông Cuộc Đời*. Hiện nay tôi đã viết xong 10 truyện.

**30.**

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cảm ơn Nhà Thơ Việt Bằng.

VIỆT BẰNG: Cảm ơn anh Hồ Trường An và xin lỗi nếu có những lời đáp phiến diện chưa đúng với nội dung những câu hỏi anh đặt ra.

# SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

## DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

*UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM*

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

[1]

## CHIỀU XUÂN

Quạnh quẽ phòng vắng rực ánh vàng  
 Cùng mai ta lặng đón xuân sang  
 Chơi voi càn uốn nâng nghìn đóa  
 Chuyển choáng men say thảo mấy hàng  
 Hương sắc tân niên vừa chát ngắt  
 Ý sầu cổ lý đã mênh mang  
 Ngoài hiên rủ bóng hoàng hôn lạnh  
 Bước gió hay chân khách muộn màng

[2011]

## ĐOÀN CHINH NAM

[2]

## THÁNG TƯ ĐEN

Tháng Tư tan tác cánh mai vàng  
 Giông bão từ phương Bắc chuyển sang  
 Suối máu hờn căm... sương giọt giọt  
 Núi sầu u uất... lệ hàng hàng  
 Rừng xanh phơi xác đêm tiền sử  
 Quỷ đỏ hiện hồn thuở hỗn mang  
 Yêu quái vượt ve đùng nhẹ dạ  
 Ma trời hòa giải chớ mơ màng

Feb. 11, 2011

## HỒ CÔNG TÂM

[3]

## XUÂN CỠ LẠNG

Ở đây Tết đến vắng mai vàng  
 Giá lạnh đêm ngày nắng biếng sang  
 Tuyết trắng mù trời giăng lớp lớp  
 Mưa dầm sũng đất nổi hàng hàng  
 Hương xưa cảnh cũ lòng hằng giữ  
 Nỗi quạnh nơi này nghiệp trót mang  
 Từ lúc giam mình nơi cõi lặng  
 Xuân đi Xuân lại đã không màng

Feb. 17, 2011

## VƯƠNG HỒNG-NGỌC

[4]

## MỘT GÓC XUÂN

Gió xuân hiu hắt rụng hoa vàng  
 Vừa mới hôm nào đón Tết sang  
 Câu đối nghinh tân còn đậm nét  
 Văn thơ tổng cự chưa loi hàng  
 Mộng như tuyết trắng ngày đông chí.  
 Thực tựa sương mù thừa hỗn mang  
 Năm tháng chất chồng lên tuổi tác  
 Cõi riêng tình lặng vẫn mơ màng

Boston, 18-2-2011

## ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ